

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Cứu Thập Lục Niên

Tòa Thánh Tây Ninh



TẬP SAN BAN THẾ ĐẠO – SỐ 015

Ngày 14 Tháng 06 Năm 2021 DL - Mừng 5 Tháng 5 Năm Tân Sửu AL
Mừng Ngày Giáng Sinh Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc





TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Mục Lục Tập San

I. CHƯƠNG I - Tin tức từ Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.....	3
II. CHƯƠNG II: Mừng ngày giáng sinh của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890-1959) Mùng 5 Tháng 5.....	7
III. CHƯƠNG III: NGHỊ LUẬN ĐẠO - CÙNG NHAU HỌC ĐẠO	
III.1 Ý Nghĩa Tôn Chỉ Mục Đích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.....	47
III.2 Religious Freedom - Tự Do Tín Ngưỡng (English and Vietnamese).....	55
IV. Phân Ưu - Cụ Bà Lưu văn Quế.....	60
V. LIÊN LẠC (CONTACT INFO)	61



LỜI GIỚI THIỆU

Kính chào Quý Chức Sắc, Chức Việc, Quý Đồng Đạo, Quý Thân Hữu, Quý Bạn Đọc gần xa!

Nhân ngày giáng sinh của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chúng tôi gửi đến quý vị bạn đọc bài viết nói về Tiểu Sử Đức Hộ Pháp, mà sau khi đọc hậu bối chúng tôi cảm thấy bùi ngùi xúc động, cảm nhận được sự hy sinh, nhẫn nại vô cùng tận của các bậc Tiên Khai Đại Đạo, mang một sứ mạng vô cùng khó khăn nhưng đầy phước đức vì đã được Thiêng Liêng giao phó trọng trách.

Chúng tôi cũng gửi một tin vui về Thánh Thất Cao Đài Houston Texas @ S. Breeze đã và đang phát triển tiếp tục trên đà thăng tiến về tinh thần lẫn vật chất. Thánh Thất được QS Trịnh Quốc Thế và QS Nguyễn Ngọc Nương mua được miếng đất hàng mong ước hiến tặng và mạnh thường quân đã cho Thánh Thất Houston mượn tiền đã trả thêm \$50,338 cho City Bank.

Trong Chương III - Cùng Nhau Học Đạo - chúng tôi đăng bài viết về Ý Nghĩa Tôn Chỉ Mục Đích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do QS Trịnh Quốc Thế và QS Nguyễn Ngọc Nương trình bày đã nói lên tinh thần Đạo Pháp cao siêu diễn tả diễn tả ý nghĩa và tôn chỉ mục đích của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một cách thông suốt dễ hiểu làm cho đàn hậu tấn chúng tôi hiểu rõ hơn về tư tưởng xuất chúng của Đạo Cao Đài.

Và sau cùng trong chương trình Cùng Nhau Học Đạo là sự trình bày của HT Trịnh Ngọc Túy tại buổi họp liên tôn giáo Bắc Mỹ tổ chức bởi HWPL Ngày 22 Tháng 5 với đề tài Religious Freedom - Tự Do Tín Ngưỡng với hai ngôn ngữ English and Vietnamese. Bài này nói lên tinh thần Đại Đạo trong việc đưa ra giải pháp ngăn cản v/đ kỳ thị và chiến tranh giữa các tôn giáo, và trong việc ủng hộ quyền tự do tín ngưỡng theo triết lý Cao Đài.

Tập San Ban Thế Đạo sẽ là tiếng nói của Cao Đài Hải Ngoại, mục đích là phục vụ truyền thông/truyền tin theo tôn chỉ Cao Đài và **sẵn sàng đăng tải các bài viết của quý vị có cùng với mục đích cao cả đó**. Tập San Ban Thế Đạo Hải Ngoại hàng tháng đăng tải trên web site <https://www.caodai.international/>. Mong quý vị thưởng thức các thông tin và chúc an lành!

Tập San Ban Thế Đạo Kính Bút!



CHƯƠNG I

TIN TỨC



1.1

TỪ THÁNH THẤT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS (8415 S. Breeze Dr. Houston TX 77071)

I Tin tức từ Thánh Thất Cao Đài Houston Texas (@8415 S. Breeze Ln. Houston TX 77071)

1.1 Mua được miếng đất hằng mong ước

Sau bao nhiêu năm mong chờ, cuối cùng người chủ của miếng đất sát ranh với Thánh Thất Cao Đài Houston Texas phía bên bờ hồ có tượng đá Phật Bà Quan Âm đã kêu bán với giá \$84,000 cộng với tiền giấy tờ và Closing Cost, tổng cộng trên dưới khoảng \$90,000. Bác Trịnh Quốc Thế và hiền thê là Bác Nguyễn Ngọc Nương, đã dốc tiền dành dụm lâu năm đứng ra mua miếng đất này tặng cho Thánh Thất Cao Đài.

Miếng đất này trước kia là nơi chứa xe hơi sắt vụn rất mất trật tự và không sạch sẽ, ở bên cạnh Thánh Thất làm giảm bớt vẻ trang nghiêm và thanh tịnh của một Thánh Thất, nay may sẽ thuộc về sở hữu của Thánh Thất, là một điều vô cùng đáng mừng và cũng là điều ao ước từ lâu của tín đồ Cao Đài Houston.

Xin cảm ơn Bác Thế và Bác Nương, người nào cũng đã hơn 80 tuổi (Bác Thế đã 88) mà còn dốc toàn lực và tài chánh để lo cho Đạo. Thật hiếm có, thật hạnh phúc, thật hoàn hảo cho cặp vợ chồng già chống gậy, còng lưng lo cho sự phát triển và tương lai của Đạo một cách hết sức hiệu quả. Mong hai bác sống khỏe, sống hạnh phúc, và hãy tự vỗ lên đôi vai gầy của chính mình và thốt lên "**Great Job!**" Cao Đài Hải Ngoại vô cùng hoan hỉ chúc mừng Thánh TCD Houston, càng ngày càng phát triển!

Hình 1: Miếng đất này đã bán lại cho Bác Thế và Bác Nương - hiến tặng Thánh Thất



Hình 2:

Miếng đất này, khi cây rụng lá thì lộ ra cảnh mắt trật tự của một bãi xe chứa sắc vụn, làm giảm đi vẻ hùng kiện, tráng lệ của Thánh Thất. Sau khi làm giấy tờ xong sẽ thuộc quyền sở hữu của Thánh Thất và sẽ được sửa sang lại cho đẹp.



1.2 Thánh Thất Houston đã trả thêm \$50,338 cho City Bank.

Một Mạnh Thường Quân của Thánh Thất, Anh Trịnh Quốc Trung vào Tháng 2 Năm 2021 đã có hứa cho Thánh Thất mượn \$50,000 để trả nợ cho City Bank, và đến Ngày 21 Tháng 6 Năm 2021 anh đã hoàn số tiền đã hứa, Thánh Thất đã trả thêm cho nhà bank số tiền \$50,338.24 (Hình 3)

Hiện nay, Thánh Thất chỉ còn thiếu nhà bank \$55,577, và trong vòng 1 năm đầu chỉ trả tiền lãi (\$187/tháng) sau đó là sẽ trả trong vòng 5 năm. Và một Mạnh Thường Quân khác cũng đã hứa là sẽ cho Thánh Thất mượn tiền để trả bớt nợ, và trong vòng 6 tháng, đến lúc đó thì Thánh Thất hoàn toàn không còn thiếu nợ nhà bank mà chỉ thiếu nợ các vị Mạnh Thường Quân cho mượn không lấy lãi và cũng không cần phải trả Mortgage trong vòng 3 năm đầu.

Tổng công số tiền còn thiếu City Bank là: **\$55,577.**



Hình 3: Ngày 21 Tháng 6 Năm 2021 City Bank điều chỉnh số tiền thiếu, số nợ còn lại chỉ còn là **\$55,577**



City Bank

1696

BORROWER CLOSING SUMMARY

Borrower Name: Cao Dai Temple Houston of Texas, Inc.
Loan# 4500057 Loan Amount: **\$55,577.00**

- Collect **\$50,338.24**
 - \$49,930.53 Principal Reduction
 - \$335.71 Interest due through **06-21-2021**
 - \$22.00 Recording Fee- Harris County
 - \$50.00 Document Preparation

- Loan Document Package
 - Commercial Application
 - Certification Regarding Beneficial Owners of Legal Entities
 - Business Loan Agreement
 - Change In Terms Agreement
 - Modification of Deed of Trust (notary required)
 - Agreement to Provide Insurance
 - Disbursement Request & Authorization
 - Notice of Final Agreement

- Comments/ Notes to Borrower
Please return all original executed documents and amount due to:
City Bank
Attn: Stephanie Gonzalez
2525 McKinnon St., Ste. 100
Dallas, TX 75201

Hoan hỉ chúc mừng Thánh Thất Cao Đài Houston, càng ngày càng phát triển!

CHƯƠNG II



(II.1)



Chân dung Đức Hộ Pháp

Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC (1890-1959)

Tiểu sử tóm tắt trong Kinh Sách Đạo *CHÂN DUNG HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC* Soạn giả:
HT. Trần Văn Rạng

<https://www.caodai.international/wpcontent/uploads/2017/10/chandunghophap.pdf>





LỜI GIỚI THIỆU

Của

Ngài Chưởng Ấn Hiệp Thiên Đài

NGUYỄN VĂN HỢI

Bộ Pháp Chánh - Tòa Thánh Tây Ninh

Kính thưa quý Chư Tôn Liệt Vị, người ta thường nói: “Hùm chết để da, người ta chết để tiếng”.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là người tiền bối đứng vào bậc tam đại vĩ nhân cùng

Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Cao Thượng Sanh đầu công khai sáng nền Đạo Cao Đài.

Quyển Tiểu Sử Đức Hộ Pháp được ông Hiền Tài Trần Văn Rạng, Trưởng Nhiệm Giáo Lý Ban Thế Đạo soạn thảo rất công phu.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là một đấng siêu phàm được Đức Chí Tôn thân dụng đứng hàng đầu trong Hiệp Thiên Đài. Đức Ngài rất dày công khai Cơ Phổ độ, lập Đạo từ lúc sơ khai, là một ân nhân của toàn Đạo, khai mở ngôi Thánh Địa ngày nay trở thành Tổ Đình của Cao Đài Giáo lưu truyền vạn đại.

Tôi xin có lời giới thiệu với toàn quý Đạo tâm có lòng hoài cổ ân sâu của Bậc Tiền Hiền Khai Cơ Lập Đạo cho chúng ta và chúng sanh đời đời sùng ngưỡng.

Tòa Thánh, Ngày 9 Tháng Giêng Năm Giáp Tý.

(DL. Ngày 23-02-1972)

CHUỞNG ẤN HIỆP THIÊN ĐÀI

(Ấn ký) **NGUYỄN VĂN HỢI**





MỘT THIẾU NIÊN DIỆU THƯỜNG

Vào tiết Đoan Ngọ (5-5) Năm Canh Dần (21-6-1890), bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, thuộc làng Bình Lập, tại tỉnh lỵ Tân An (nay là Long An), một chơn linh giáng lâm trong gia đình ông Phạm Công Thiện, một công chức. Đó là Phạm Công Tắc.

Ngài sanh nhằm năm Thành Thái thứ hai; lúc bấy giờ, Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, do Pháp trực tiếp cai trị. Vì thế Nam Kỳ coi như một phần lãnh thổ của Pháp. Phủ Thống Đốc Nam Kỳ đặt tại Sài Gòn.

Ông Phạm Công Thiện kết hôn với bà La Thị Đường, sanh được tám người con mà Ngài Phạm Công Tắc là người con thứ tám. Song thân Ngài trước ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vì là công chức, ông Phạm Công Thiện được đổi đến Long An.

Thuở thiếu thời, Ngài Phạm Công Tắc là một thiếu niên khỏe mạnh, tư chất thông minh đỉnh ngộ. Có điều lạ, vì sanh nhằm ngày Khuất Nguyên trầm mình xuống sông Mịch La, cũng là ngày Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên Thai, nên thỉnh thoảng Ngài ngủ thiếp đi như người chết, linh hồn lạc khuất đâu đâu, khiến cho huyền đường âu lo; nhất là bà cụ Cố tỏ vẻ buồn rầu sợ Ngài mệnh bạc.

Cảnh trạng Ngài chết đi sống lại như thế, cả làng xã đều biết. Người ta cố gắng lo thuốc thang cho Ngài, nhưng vốn tiền định, lâu lâu Ngài ngủ lịm đi đôi ba giờ, có khi kéo dài nửa ngày.

Đêm Rằm Tháng Giêng Năm Đinh Mùi, Ngài nằm trên sập kê trước nhà nhìn vầng trăng hư ảo mà khẽ ngâm bài “Nhật nguyệt vấn đáp”, rồi tâm thần dần dần tê mê theo cơn gió nhẹ ru. Khi mở mắt ra, Ngài thấy chan hòa một thứ ánh sáng huyền diệu mà Ngài đang lững thững đi trên đường bằng phẳng sạch sẽ và trắng như tuyết.

Bỗng thấp thoáng đằng xa đi lại một vị Sư già, mặc áo cà sa vàng, nét mặt từ bi và cất tiếng hỏi: “Em có nhớ qua không?”.

Ngài nhìn vị Sư, chợt nhớ ra vội đáp: “Dạ nhớ”.

Vì năm lên mười tuổi theo học chữ Nho, thường hầu Thầy đi cân thuốc ở tiệm Đức Vọng, chợ Tây Ninh, Ngài đã gặp vị Sư này bàn với thầy Ngài về tương lai Ngài như vậy: “Cậu bé này vào bậc siêu phàm, sự nghiệp vô cùng cao cả”.

Vị sư già đưa Ngài đến một tòa lâu đài, một màu trắng tinh “Một Tòa Thiên Các Ngọc lâu lâu” và bảo Ngài: “Em chờ ngoài này Qua vào trong một chút nhé”. Ngài chờ lâu quá không thấy vị sư trở lại, bèn vừa kêu vừa gõ cửa, vẫn không thấy ai trả lời. Ngài mới đi vòng quanh thấy nhà có tám góc và tám cửa đều giống nhau và đóng kín. Nhìn kỹ, Ngài mới nhận ra mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về phía chân trời xa.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Trong lúc băn khoăn chưa biết chọn con đường nào, bỗng thấy phía có bóng đèn loé sáng, Ngài liền phăng tới, gặp một tòa nhà mà cửa vẫn đóng. Ngài gõ liên tiếp mấy tiếng, không thấy ai trả lời. Ngài bấn loạn, muốn thối lui thì một tiểu đồng xuất hiện và chỉ tay vào Ngài mà hỏi:

“Anh có phải là anh Tắc không?”.

“Sao em biết Qua?”.

Cậu bé mỉm cười: “Sao tôi lại không biết”.

Nói xong tiểu đồng tiếp: “Thầy gọi anh trong nhà”.

Ngài ngạc nhiên hỏi: “Thầy là ai hở em?”.

Tiểu đồng đáp: “Rồi anh sẽ biết”.

Nói xong tiểu đồng bước vào nhà. Ngài bước theo gặp “con chó lông vàng” nằm chặn ngang đường, Ngài ngần ngại nên tiểu đồng giục: “Có gì mà sợ, nó không phải là chó nên chẳng cắn đâu. Anh cứ theo tôi đừng sợ gì cả”.

Ngài vừa bước qua, cửa từ từ đóng lại. Ngài và chú tiểu đứng trong hành lang rộng mênh mông. Theo chiều dài hành lang có năm phòng lớn, mỗi phòng có một cửa đều đóng.

Chú tiểu đưa Ngài đến cuối phòng và dặn: “Anh chờ đây. Lúc nào Thầy kêu tôi sẽ cho anh hay”. Chờ lâu quá sốt ruột, phần vì sợ con Kim Mao Hẩu (tức là con chó lông vàng), nên Ngài bạo dạn gõ cửa. Chú tiểu nghe tiếng gõ cửa gắt gỏng: “Anh làm gì rồi thế? Anh nhát quá, thôi ở đấy mà chờ Thầy”. Ngài ngấm xung quanh phòng, thấy dài đến 20 thước, rộng 10 thước, bốn mặt tường và nền nhà là một khối cẩm thạch phẳng liền cực đẹp. Từ ngoài một ông già cao lớn, mặc áo xanh, râu tóc bạc trắng bước vào, Ngài chấp tay xá. Nhìn kỹ, Ngài nhớ ra, ông già này là người đi với Nhà Sư mà Ngài đã gặp trong tiệm Đức Vọng độ nào. Ông đi thẳng lại chiếc ghế bành ung dung ngồi xuống và bảo Ngài: “Con ngồi xuống đi”. Trước nhất, ông già hỏi thăm về gia đình, nhưng trừ người chị thứ tư đã mất thì không hỏi, làm Ngài ngạc nhiên vô cùng.

Sau lúc phê phán từng người trong gia đình, ông già gọi tiểu đồng: “Con đem bánh cho anh con ăn”. Tiểu đồng mang vào đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn, trên đựng đầy bánh bốc hơi thơm phức. Các bánh trong ngần như bột lọc, hình tròn, nửa đỏ nửa trắng, sắp theo hình nón. Ngài được ông già mời ăn và uống nước bằng tô lớn vàng ròng.

Đợi Ngài ăn xong, ông già trầm ngâm nói: “Hôm nay con ăn hai cái bánh rươi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành Đạo của con sau này”.

Ngài tạ từ ông già, nhưng nhớ đến con Kim Mao Hẩu, Ngài vái xin con vật đó. Ông già tỏ vẻ ưng lòng và đáp: “Con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con”.

Khi trở ra, Ngài bước lên lưng con Kim Mao Hẩu và đạp lên mông thì cánh cửa tự mở. Lúc đến tòa lầu Đài tám góc, tiểu đồng ra từ tạ: “Bây giờ em chưa thể cùng đi với anh được. Sau này Thầy sẽ cho

em xuống với anh. Thôi anh về đi”. Ngài sức nhớ đi chơi lâu quá, vội chạy nhanh về, vô ý vấp phải mô đất, té lộn đi một vòng.



Ngài giật mình tỉnh dậy, thoang thoáng bên tai tiếng kêu khóc vang vầy, mở mắt ra thấy mọi người tấp nập chung quanh mình. Kể thì kéo tóc, người thì giật tay, gọi tên âm ỉ. Ngài chờn vờn ngồi dậy nói như trong mơ: “Con chó của tôi đâu rồi?”.

Người người ngơ ngác, nhưng Ngài lại nhớ đến con Kim Mao Hẩu trong giấc mộng dài diện kiến Thiên Cung. Thật ra, đây không phải là một giấc mộng mà là một

cuộc xuất hồn của một Chơn Linh Hiển Đạo.

Cuộc vân du này, năm 1927, Đức Ngài viết thành quyển “Thiên Thai Kiến Diện” đúng hơn là “Tam Thập Lục Thiên Hồi Ký” mà bài số 75 gần như gom ý cuộc hội kiến với Đức phân thân Đức Cao Đài mặc áo xanh nói trên:

Bài 75

Xa trông cảnh vật đã xây tròn,
Bát hướng Đài ngưng thấy nước non.
Động cũ Thần Tiên còn để dấu,
Chùa xưa Phật Tích nát hư môn.
Chấp Kinh Khổng sĩ nho phong dỗi,
Nắm nghiệp Đào quân nhấp thuốc khôn.
Nẻo Thánh tuy quên tay đẩy cỏ,
Nền Văn miếu thấy khói hương còn.

Trong cuộc vân du kể trên, trước hết Ngài gặp vị sư già mặc áo vàng (biểu tượng Đạo Phật), ông già mặc áo xanh (biểu tượng Đạo Lão) đó là nhân vật chính Đức Hồng Quân Lão Tổ phân thân của Đức Cao Đài. Đĩa bánh bạc màu trắng (màu Đạo Cao Đài) đựng những chiếc bánh hình tròn (biểu tượng Trời hay Thái Cực) có hai màu đỏ và trắng (biểu tượng Âm Dương) tức Thái Cực sanh Lưỡng Nghi. Âm Dương hay Khôn Càn là đầu mối biến sinh ra vạn vật. “Đạo vốn chỉ một Âm một Dương mà thôi..., có cái gì thích hợp mà chẳng một Âm một Dương.1 Ngài được uống một tô nước Cam Lồ. Theo Dịch Lý, mọi việc khởi đầu ở cung Tý (Thủy) tức Thiên Khai ư Tý, 12 giờ đêm thuộc Thiếu Dương số một, ứng vào quả Phục (biểu tượng phục hưng nền Đạo mới).

Thật sự, Ngài chỉ ăn có hai cái bánh, cái bánh thứ ba chỉ ăn nhưn mà bỏ vỏ, hàm ý chỉ gom lấy cái tinh hoa của các Đạo mà bỏ những điều cặn bã, phản tiến hóa. Ông già áo xanh nói:

“Con ăn hai cái bánh rưỡi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành Đạo của con sau này”.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Nếu Ngài ăn đủ ba cái thì xong không còn gì để nói. Như vậy không phù hợp với Đạo Âm Dương: “Sinh rồi lại sinh”. Thế nên Ngài chỉ ăn có hai cái rưỡi mà lại “ám hợp vào đời hành Đạo sau này”, tức là chưa xong. Cuộc đời, trường đời, việc Đạo là Hỏa, Thủy vị tế (quẻ Ly trên, quẻ Khảm dưới). Đó là quẻ thứ 64 trong Kinh Dịch, quẻ 63 ký tế mà quẻ 64 lại bắt đầu biến hóa. Trường đời, việc Đạo biến hóa vô thường, Ngự Mã Thiên Quân phải đối phó để giữ vững thuyền Đạo lướt qua những cơn sóng dữ và đá ngầm của biển cả.

Đó là lời tiên tri của ơn Trên:

“Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng”.

Sau đây, chính Đức Ngài kể lại về thời thanh thiếu niên của mình:

“Bần Đạo thứ tám, còn con em thứ chín ở trong cái ổ nghèo, ổ rách. Mấy anh chị họ lớn hơn, lập nên danh. Kể có chồng, người có vợ chỉ có Bần Đạo chưa biết gì hết chỉ biết thương nhau mà thôi, thương Cha có công sanh dưỡng, thương Mẹ bảo trọng gia đình lo tảo tần nuôi con, thương anh em trong gia đình, duy có biết thương mà lo học, sợ không học ông bà buồn rầu..” “Cha đã chết hồi Bần Đạo mới 12 tuổi, chỉ ở với Mẹ. Thương Mẹ sợ Mẹ chết nữa không biết ở với ai? Ở tỉnh Tây Ninh, người ta thường chôn đám xác vào ban đêm. Khi ngủ nghe họ hò giục mình dậy mò kiếm bà già. Bà già hỏi con làm gì vậy? Con nghe người ta đưa đám xác, con sợ Mẹ chết quá. Cũng vì sự thương yêu, được 17 tuổi quyết định ra làm việc để trả hiếu cho Mẹ”.

“Lúc ấy Bần Đạo đã thi đậu, nếu ra làm việc với hãng buôn ăn lương lớn mà không biết nuôi Mẹ được không? Người anh rể nói “Em làm việc hãng buôn tư không có danh dự gì hết”. Bần Đạo nghe lời nên xin làm việc ở sở Nhà nước, làm việc mỗi tháng lương 70-80 đồng, ăn xài cũng còn dư một đôi chục bạc để nuôi Mẹ. Đến chừng lương còn 20 đồng một tháng, lúc đó thiếu nợ lại thêm một bà vợ nữa, công việc bối rối không biết bao nhiêu, tới chừng đó không còn lo cho Mẹ nữa. Trong gia đình, khi đó chưa tạo được hạnh phúc thì bà Mẹ đã chết”.

“Năm Bần Đạo được 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu, chỉ biết lo một điều là lo lập thân danh dạng nuôi Mẹ bảo trọng anh em. Đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, Cha Mẹ đã khuất hết, dẫu thương bao nhiêu cũng không còn, lại tai ác nữa là vợ con gia đình sanh đẻ mãi, đâu có lo bên ngoài được nữa, khởi thống khổ tâm hồn. Tới chừng cao sang sung sướng ngó lụng lại không thấy Cha Mẹ. Hai Đấng ấy đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em. Em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái cũng đều chết hết. Bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi một người anh rể, thương hơn anh ruột. Người em thứ chín là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bần Đạo mà đã qui liễu. Tới chừng ấy tâm hồn ngơ ngẩn, xác thịt bơ thờ, nghe tiếng chim, tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe cũng nhắc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy không buổi nào vui chỉ muốn tu, muốn tìm cảnh tu. Hễ biết tu, thì biết Đạo rồi biết dìu dắt anh chị em tới tình yêu thương nồng nàn”.





MỘT THANH NIÊN ÁI DÂN

Xem thế, Ông là một người con hiếu thảo với Cha Mẹ, rất thương yêu và tôn kính anh chị và nhường nhịn các em.

Năm 1910, lúc đó, ông đã hai mươi tuổi. Gia đình lâm vào cảnh quẩn bách, túng thiếu. Ông xin làm Sở Thương Chánh ở Sài gòn. Năm sau, ông vâng lệnh Cha Mẹ thành lập gia đình với bà Nguyễn thị Nhiều. Bà là phụ nữ theo luật Tam Tông, rất hiếu lễ tần tảo thờ phụng Cha Mẹ chồng hết lòng. Bà sanh được ba người con. Trai đầu lòng tên Phạm Công Huyền, gái thứ ba tên Phạm Hồ Cẩm và gái thứ tư tên Phạm Tân Tranh. Đó là tên ba loại đàn cổ truyền.

Người trưởng nam Phạm Công Huyền sinh ra để báo hiệu huyền cơ của Tạo Hóa có Dương có Âm sắp ra đời. Thế nên lên bốn thì Huyền trở lại cõi trần: “Quản Huyền đâu đã giục người sinh lý”.

Dù chỉ còn hai người con gái, ông thấy không cần thiết phải sinh thêm trai vì trai gái ngang nhau. Sanh con trai mà nó không nên mặt một đàn ông, không đáng mặt đứng trưng phu để người đời trông gương thì thà không đẻ thêm còn hơn. Vả lại lúc đó ông đang theo đuổi làm việc từ thiện giúp nhân quần xã hội.

Đời sống công chức không làm cho ông thích thú, còn nếp sống gia đình đều đều buồn chán không trôi buộc được Ngài. Ngài đâm ra mê lý tưởng hướng về Đạo, “làm những việc thiện hàng ngày để giúp đỡ những kẻ cô đơn xung quanh. Ngài giàu tình thương đời, nhất là thương kẻ cô đơn trụy lạc. Ngài đã làm một cử chỉ rất ý nghĩa. Đang là công chức Sở Thương Chánh, đồng tiền chẳng được dồi dào chi lắm, vậy mà Ngài dám vay nợ để giải phóng một đoàn nhi nữ ra khỏi chốn thanh lâu, cho họ thoát vòng nhục nhã, được trở về đời sống lương thiện, hưởng hạnh phúc gia đình”.

Thật ra, Ông có người bạn tên Trần Thành Chơn cho Ông biết có một gia đình nghèo khổ có hai đứa con gái bị tú bà gạt gẫm bán cho lầu xanh. Ông Chơn nhờ Ông giúp đỡ gia đình ấy. Ông dùng tiền dành dụm của mình chuộc cô Nguyễn Thị Cẩm và Nguyễn Thị Hồng trở về hoàn lương.

Người Pháp thấy Ông có hành động khác thường, họ liệt Ông vào hàng có tâm huyết, nên họ tìm cách đổi Ông đi Cái Nhum (Hậu Giang), sau đổi ra Qui Nhơn (Trung Phần); rồi cùng lại đổi về Sài gòn, để rồi những ngày sẽ tới, Ông hiến trọn cuộc đời cho Đạo pháp.

Chân dung Đức Phạm Hộ Pháp trong Chương này hé lộ cho ta thấy, từ thuở thanh thiếu niên, Đức Ngài đã là người yêu nước thương người. Trong cơ thể đã kết hợp Tam Giáo và nhất là Thiên Chúa Giáo. Những vốn sống ấy được nuôi dưỡng ra nụ, đơm hoa rồi sẽ kết trái trong những Chương kế tiếp - Xin xem tiếp → <https://www.caodai.international/wp-content/uploads/2017/10/chandunghophap.pdf>



NGỘ ĐẠO CAO ĐÀI



Ngài có một nỗi băn khoăn lớn lao là tầm Đạo để giải thoát cho cả loài người khổ ải. Ngài sinh ra trong một gia đình Công Giáo, nhưng Đạo cứu thế với lòng Bác Ái của Đức Giêsu chưa chiếm hết lòng tin của Ngài.

Ngài có óc phán đoán và nhận thấy rằng Đạo Phật khuyên người Từ Bi, Hỉ Xả; Đạo Lão đặt nền tảng dưỡng Tính tồn Chân; Đạo Khổng diu dắt người trên con đường Trung Dung, đều có những ưu điểm nhưng chưa thấy có cùng chung cội nguồn. Vì vậy Ngài đêm ngày suy nghĩ, muốn tổng hợp cả bốn Đạo lớn hiện có trên thế gian, và hòa hợp giữa hai nền văn minh Đông Tây. Việc đó không phải là không tưởng, vì tất cả các vị Tổ sư của các môn phái đều hướng tư tưởng về một hướng chung: Thiện và Mỹ. Như vậy, tư tưởng đó rất có thể hợp nhất được.

Để đạt mục đích trên, Ngài cùng mấy người bạn thân nghiên cứu và so sánh đối chiếu những Giáo lý của bốn Đạo. Một nhận xét chung được nêu lên: cứu cánh chỉ có một, còn phương tiện khác nhau, và một hoài bão chung được phát biểu; kết tinh cả bốn Đạo thành một Đạo lớn duy nhất cả về tín ngưỡng lẫn phương tiện thực hành.

Nhưng hành động như thế nào để thực hiện sự kết tinh đó? Thật là một công cuộc khó khăn vượt sức lực con người trần gian.

Khi đó, Đại úy P. Monet (Thần linh học), một người bạn của Ngài ở Pháp sang. Ông là một con đồng vẫn thường ngồi cảm thông với các Thần linh trong các cuộc giảng thần. Ông rất chú ý đến sự nghiên cứu của nhóm Ngài, nhưng ông cũng không quan niệm nổi là có thể tổng hợp những phương tiện thực hành của các Đạo. Ông khuyên nên cầu xin các Đấng Thần linh chỉ giáo. Và một đàn Cơ được tổ chức. Những lời khuyên của Đấng Thần linh sau đây đã cho Ngài cái chìa khoá mở cửa bí mật để thông hiểu vấn đề khó khăn huyền diệu kia:

“Tín ngưỡng bắt nguồn từ lương tâm. Lương tâm khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi con người. Nó không có cá tính, cũng chẳng bao giờ bị tiêu diệt, bởi vì nó phát sinh ra từ nơi Thượng Đế. Vậy tự do tín ngưỡng phải được tôn trọng cho tất cả mọi người; nhưng sự hòa hợp trong tinh thần: Chân, Thiện, Mỹ phải là một nhiệm vụ bắt buộc”.

Để theo đuổi những ý niệm trên, Đức Ngài hay lui tới nhà ông Cao Quỳnh Cư, người gốc ở Tây Ninh, xuống làm việc tại Sở Hỏa Xa Sài Gòn. Ông Cư mượn phố ở tại đường Bourdais (số 134). Ông có một người vừa là đồng hương vừa là bạn thiết là ông Phạm Công Tắc, nguyên làm việc tại Sở Thương Chánh Sài Gòn, và một người cháu là ông Cao Hoài Sang cũng làm việc tại Sở Thương Chánh. Ba người này thân thiết với nhau lắm, đêm nào cũng hiệp nhau một chỗ, khi đờn địch lúc ngâm thi, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử”.

Năm Ất Sửu (1925) là năm việc xây bàn hay “sai ma” rất thịnh hành trong các giới tại miền Nam Việt Nam, nhất là tại Đô thành Sài gòn.



BÀN TRÒN 3 CHÂN
Chiếc bàn tròn được lưu giữ nơi Thảo Xá Hiến Cung; Chiếc bàn vuông và Ngọc Cơ được lưu giữ tại Nữ Đâu Sư Đường Tòa Thánh Tây Ninh.
BÀN VUÔNG 4 CHÂN & NGỌC CƠ
Khi xây bàn tại nhà Ngài Cao Hoài Sang thì dùng chiếc bàn tròn 1 trụ 3 chân, khi xây bàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư thì dùng chiếc bàn vuông 4 chân.

Trước hết, vì sự hiếu kỳ mà quý ông bạn chí sĩ Cao Quỳnh Cư (sau đắc phong Thượng Phẩm), Phạm Công Tắc (sau đắc phong Hộ Pháp) và Cao Hoài Sang (sau đắc phong Thượng Sanh) mới nghĩ ra việc xây bàn để tiếp chuyện với người khuất mặt ở thế giới bên kia.

Do đó, vào ngày 25-07-1925 (ngày mồng 5 tháng 6 năm Ất Sửu), hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến nhà ông Cao Hoài Sang bên cạnh chợ Thái Bình (Sài gòn) để thăm viếng và hàn huyên tình đời thế sự. Càng lúc càng khuya, vì Thần Linh thức giục, các ông mới nghĩ đến việc xây bàn. Ba ông đem ra trước hiên nhà một cái bàn tròn ba

chân, kê một chân hỏng đất rồi đồng để tay lên bàn khăn vải. Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, ba vị đốt nhang khẩn nguyện từ 21 giờ tối đến 2 giờ đêm, có nhiều vong linh nhập bàn viết tiếng Anh, Pháp và Hoa ngữ, cũng có một vong linh học sinh Hà Nội viết tiếng quốc ngữ.

Cái bàn gỗ khi chũng chạc, khi lựng khựng dường như có nhiều vong linh tranh nhau để nói chuyện. Do đó, các ông năn lòng ngưng xây bàn.

Việc xây bàn thật vất vả vì chỉ có khẩu ước với các Đấng vô hình trong vắn quốc ngữ. Như nhịp một lần là “A”, hai lần là “Ă” và ba lần là “Â” v.v... Khi chân bàn ngừng chỗ nào thì người ngồi ngoài biên chữ ấy, rồi nhiều chữ ghép lại thành một tiếng; nhiều tiếng mới ghép lại thành lời vắn hay câu thơ. Nhưng về sau nhờ thuần điển và quen việc nên sự tiếp chuyện với các Đấng Thiêng Liêng càng mau lẹ và dễ dàng.

Qua đêm thứ nhì (26-7-1925), ba ông lại xây bàn đúng 24 giờ, có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành bài thi bát cú Đường luật như sau:

THI

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng mười.
Tổng mển lời khuyên bền mộ chép,
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
Bên màn đôi lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen đặng thanh thơ.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cùm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.

Ký tên Cao Quỳnh Tuân



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của Ngài Cao Quỳnh Cư, qua đời đã 25 năm, đặc vị Xuất Bộ Tinh Quân, đọc tới câu thứ 7, các Ngài quá ngậm ngùi. Cả ba cảm phục ý tứ của bài thơ.

Đến đêm 30-7-1925 (10-6-Ất Sửu), ba Ngài lại họp nhau tại nhà Ngài Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn. Hôm ấy có một nữ vong linh giáng bàn cho thi:

THI

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những nghề trao duyên vào Ngọc Các,
Nào dè phũ nợ xuống Tuyền Đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Đồn dập tương tư oằn một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?

Ký tên Đoàn Ngọc Quế

- Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi: “Hồi tại thế xứ ở đâu?”.
- Cô Đoàn Ngọc Quế đáp: “Ở Chợ Lớn”.
- Ngài Phạm Công Tắc hỏi: “Cô học ở đâu?”.
- Cô gõ bàn đáp: “Học trường đằm”.

Tên Đoàn Ngọc Quế chỉ là tên mượn (tá danh), tên thật của cô là Vương thị Lễ, cháu ông Vương Quan Kỳ. Nhưng tầm nguyên còn bí hiểm hơn nữa. Kiếp trước cô là công chúa, con một vị vua bên Tàu, nhưng vì “nghề trao duyên vào Ngọc Các, nào dè phũ nợ xuống Tuyền Đài”. Thế nên còn vương vấn bụi hồng trần phải tái sinh vào gia đình Tổng Đốc họ Vương ở Việt Nam, nhưng vẫn không tròn câu tình ái.

Khi cô mang bệnh nặng, gia đình rước bác sĩ thuốc thang cho cô và hứa: nếu ai trị lành bệnh thì sẽ gả cô cho bác sĩ. Nhưng vì không phải duyên nợ, cô biết rõ lời hứa của song thân, nên lúc bác sĩ đến tận tình săn sóc cho cô, cô uất lên mà chết.

Ba Ngài đều có họa bài thi trên, riêng bài của Ngài Phạm Công Tắc họa như vậy:

HỌA VẬN

Ngắn bút hòa thi tử phạm ai,
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.
Tình thâm một gánh còn dương thế,
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài.
Để thảm thung đường như ác xế,
Gieo thương lữ khách ngóng tin mai.
Hiềm vì chưa rõ đầu đuôi thế,
Ngắn bút hòa thi tử phạm ai.

Cũng đêm đó, Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi cô bệnh chi mà chết, cô đáp bằng hai bài thơ như vậy:



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

THI

Trời già đành đoạn nợ ba sinh,
Bèo nước xẻ hai một mảnh tình.
Mấy bữa nhăn mày lâm chước quỉ,
Khiến ôm mối thắm lại Diêm Đình.
Người thời Ngọc Mã với Kim Đàng,
Quên kẻ dạ đài mối thắm mang.
Mình dặn lấy mình, mình lại biết,
Mặc ai chung hưởng phận cao sang.

Hôm sau, Ngài Cao Quỳnh Cư mời hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang qua nhà mình xây bàn mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi.

Nhân tiện ba Ngài hỏi cô Quế về việc Thượng Giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các Ngài càng thêm mê học hỏi. Rồi cô gọi Ngài Cao Quỳnh Cư là Trưởng ca, Ngài Phạm Công Tắc là Nhị ca, Ngài Cao Hoài Sang là Tam ca, còn cô là Tứ muội.

Đến ngày 03-08-1925 (15-07-Ất Sửu), thiết đàn xây bàn, các Ngài được cô Đoàn Ngọc Quế báo tin có một Đấng đến tiếp xúc với ba Ngài.

THI

Ớt cay cay ớt gặm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

A - Ẫ - Ậ

Ngài Phạm Công Tắc nghe thi lạ lùng có ý hơi khó chịu, liền đó Đấng này cho thêm bài thi:

THI

Đời hiệp lẫn nhau nữ chẳng thương,
Thương đời nên mới đến đem đường.
Đường dài vó ngựa tua bên sức,
Sức yếu lòng người khó để gương.
Gương Đạo noi theo đường Thuấn Đế,
Đế dân vẹn giữ lối Văn Vương.
Vương hầu lê thứ ai là chí,
Chí quyết làm cho thế khác thường.

A - Ẫ - Ậ

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi Đấng A-Ẫ-Ậ mấy tuổi, tên họ là gì. Ông gõ bàn hoài không ngừng. Ngài Phạm Công Tắc hỏi ông ở đâu thì được cho bài thi:

THI

Trời trời mình không mới thiệt bần,



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Một nhành sen trắng nấu nướng thân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần.
Bố hóa người đời gây mối Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nền Nhân.
Chừng nào đất dậy Trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.

Đến ngày 18-8-1925 (01-08-Ất Sửu), cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn, các Ngài hỏi rằng: “Em còn có chị em nào nữa biết làm thi, xin cầu khẩn đến dạy ba anh em Qua làm thi”.

Cô Đoàn Ngọc Quế trả lời: “Có chị Hồn Liên Bạch, Lục Nương với Nhứt Nương làm thi hay lắm”. Và cô lại thêm: “Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay, cầu mới được”. Ba Ngài vâng ý cô Đoàn Ngọc Quế, ngày cầu, ba Ngài ăn chay.

Đến 25-08-1925 (08-08-Ất Sửu), Đấng A-Ă-Â giảng dạy ba Ông, vào Rằm tháng tám năm đó thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Cửu Nương đến dự. Đến 14 Âm lịch thì Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cho thơ mời các Ngài họa.

THI

Rừng tòng ngày tháng thú quen chường,
Nương mắt dòm coi thể chuyển luân.
Rượu cúc một bầu trăng gió hững,
Non sông đạo khắp lối đêm Xuân.

Bài họa của Ngài Phạm Công Tắc như vậy:

HỌA VẬN

Cuộc thế lầm than đã quá chường,
Ai là những bậc vẹn Thường Luân?
Thiếu quang nhạc thúc không chờ đợi,
Tế thế an bang phỉ kiếp xuân.

Đến 01-09-1925 (15-08-Ất Sửu), tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư số 134 Bourdais (nay là Calmette, Sài Gòn), giữa nhà lập bàn hương án, chưng các hoa thơm và xông trầm trọn ngày. Các Ngài mặc quốc phục quì trước hương án cầu nguyện các Tiên Nương dự tiệc. Lễ bái xong, các Ngài cũng ngồi vào bàn tiệc.

Bà Nguyễn Thị Hiếu (tức bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu) gấp đồ ăn để vào chén cho chín vị và trên bàn thờ Đức Phật Mẫu. Đó là Thể Pháp tượng trưng cho Bí Pháp của Đạo Cao Đài, mà hàng năm về sau đến ngày tháng này đều tổ chức Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung do Hiệp Thiên Đài chủ trì.

THIÊN PHONG HỘ PHÁP



Đến Ngày 22 rạng 23.04.1926 (11&12 tháng 3, Bính Dần) thì thiết lễ Thiên Phong tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn, Thầy dạy: “Cư nghe dặn: con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ, xông hương cho nó, biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón ...

“Cười...

“Đáng lẽ nó phải sấm khôi, giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo nên Thầy không bảo. Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt ngay vô ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp mặt nó lại.

“Lịch, con viết một lá phù (Gián Ma Xử) đưa cho nó cầm.

.

“Cả thầy Môn đệ phân làm ba ban, đều quì xuống, biểu T. . leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôì đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt T. . , đặng Thầy trực xuất Chơn Thần nó ra, nhờ biểu Đức, Hậu xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ. . .

” Nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không lời tuyên thệ, lời nguyện mà là một cuộc hành pháp trực Chơn Thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để chơn linh Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài.

Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà, Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.

Từ đó Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Đạo Cao Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể như chơn linh của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo (Nguyệt Tâm Chơn Nhơn). Ngài được Chí Tôn giao trọng trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài thông công với các Đấng và chịu trách nhiệm về Chơn thần của toàn thể Đạo hữu.

Hôm ấy có các vị được thọ phong là:

Ngài Phạm Công Tắc được phong Hộ Pháp.

Ngài Cao Quỳnh Cư được phong Thượng Phẩm.

Ngài Lê Văn Trung thọ phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.

Ngài Lê Văn Lịch thọ phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt,

Ngài Cao Hoài Sang thọ phong Thượng Sanh.

Các vị sau đây được phong vị để phò Cơ:

Đức, Hậu phong Tiên Đạo phò Cơ Đạo sĩ.

Cư phong Tá Cơ Tiên Hạc Đạo sĩ.

Tắc phong Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

Hai Ông Thượng Phẩm và Hộ Pháp hợp thành một cặp đồng tử chấp Cơ phong Thánh, truyền giáo lập Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, tức là Hiến Chương của nền Đại Đạo lúc bấy giờ.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

“Chúng ta phải nhìn nhận đầu công của hai Ông này vào bực nhứt, trước hết và trên hết, Đức Chí Tôn mượn tay và thần lực của hai Ông này mà lập thành Đại Đạo cho đến ngày nay. Nếu không có bàn tay xây dựng của hai Ông thì:

- Đâu có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- Đâu có Chức sắc Thiên Phong nam nữ.
- Đâu có Hội Thánh và các Cơ Quan trong Đạo.
- Đâu có Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.
- Đâu có đại nghiệp hiện giờ cho nhân sanh thừa hưởng” .

Ngoài cặp Cơ Cự, Tắc còn có các cặp Cơ : Sang- Diêu, Hậu Đức, Nghĩa-Tràng, Tươi- Chương, Kim- Đãi, Mai- Nguyên, Mạnh- Phước, Thâu- Vĩnh.

Cầu Cơ là phò loan gồm có hai vị đồng tử, ngồi hai bên cái giỏ Cơ, tay cầm vào miệng Cơ. Một lát sau điểm các Đấng giáng nội rồi Ngọc Cơ tự động viết ra. Chính vì đó, người ta có thể nghi ngờ người bên trái và bên phải viết ra. Thế nên, Cơ bút có thiệt mà cũng có giả. Người trong cuộc mới hiểu rõ được điều đó.

Nhằm chặn đứng sự lợi dụng Cơ bút, Chức sắc Hiệp Thiên Đài có lập “Hiến Pháp Cơ Bút” chỉ chấp nhận và thừa nhận cầu Cơ nơi Cung Đạo Đền Thánh tại Tòa Thánh.

Khi cầm quyền Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài, Đức Phạm Hộ Pháp có ra Thánh Lệnh số 21 ngày 22-02-Tân Mão (29-03- 1951) có đoạn: “Cơ bút vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ sự chi mà có tánh phạm của con người phối hợp vào đó, đều giả nhiều mà thiệt ít. Cơ bút đủ quyền tạo Đạo đặng, thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng. Vì cơ mà Đức Chí Tôn đã cấm Cơ Phổ Độ”.

Dưới đây là danh tánh các Đấng giáng Cơ giúp việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, từ năm Ất Sửu đến khi Ngài Phạm Công Tắc được phong Hộ Pháp:

- 1) Xuất Bộ Tinh Quân.
- 2) A-Ă-Â.
- 3) Cửu Vị Tiên Nương.
- 4) Cửu Thiên Huyền Nữ.
- 5) Thiên Hậu.
- 6) Liên Huệ Tiên.
- 7) Đại Tiên Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký.
- 8) Nhân Âm Đạo Trưởng.
- 9) Quan Thánh Đế Quân.
- 10) Thần sơn quan Diệu Võ Tiên Ông.
- 11) Đỗ Mục Tiên.
- 12) Minh Nguyệt Tiên Ông.
- 13) Bách Nhân Đại Tiên.
- 14) Thánh Pierre.

- 15) Huệ Mạng Trường Phan.
- 16) Tả Quân Lê Văn Duyệt.
- 17) Quý Cao.
- 18) Thổ Địa Tài Thần.
- 19) Lý Thái Bạch.
- 20) Ông Môn.
- 21) Cao Xuân Lộc.
- 22) Cao Quỳnh Tuân.
- 23) Cao Hoài Ân (tức Xuyên Quan Tư bộ).

Đàn Cầu Kho không đủ cung ứng cho hoàn cảnh, nên có 5 đàn nữa là Chợ Lớn, Tân Kim (Cần Giuộc), Lộc Giang, Thủ Đức và Tân Định mà cặp Cơ Cư-Tác phò loan ở đây. Chính đàn này đã thấu được ông Lê Thiện Phước (sau đặc phong Bảo Thế).

Để việc phổ độ chúng sanh khỏi bị ngăn trở, các Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc...tất cả 28 vị đứng tên đưa tờ Khai Tịch Đạo lên Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol (nhằm triều đại Bảo Đại) vào ngày 7-10-1926.



VIỆC XÂY DỰNG ĐỀN THÁNH



Việc xây dựng Tòa Thánh cũng bị ảnh hưởng tình hình khó khăn lúc bấy giờ. Đền Thánh đã ba lần khởi công xây cất. Ngày Mừng 1 Tháng 11 Năm Bính Tý (14-12-1936), Đức Hộ Pháp ra lệnh khởi công xây cất lần thứ tư trước sự vui mừng của chư Chức Sắc và toàn Đạo.

Điều đáng nói, việc kiến thiết Đền Thánh không có sơ đồ thiết kế trước mà do Đức Lý Thái Bạch giảng bút hướng dẫn cho Đức Hộ Pháp từng phần, sau đó Đức Ngài chỉ vẽ lại cho công thợ.

Không có bài Cơ nào để lại nói về kiến trúc Tòa Thánh, ngoài bài Cơ nói về kích thước tổng quát. Đức Hộ Pháp lệnh cho Hộ Viện kiểm lại ngân quỹ của Đạo, chỉ còn một đồng sáu mươi bốn xu (\$1.64). Trước tình thế đó, Đức Hộ Pháp phải đi Vũng Liêm mượn tiền của bà Lâm Hương Thanh. Bà



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Hương Thanh không có tiền mặt vì lúa hạ giá chưa bán được. Bà lấy cái hòm đựng đầy vàng và hột xoàn đưa cho Đức Ngài nói đem về cầm lấy tiền cất Đền Thánh. Đức Ngài không dám cầm vì sợ chuộc lại không nổi. Bà khích lệ Đức Ngài: “...đâu em về cất buồng coi, bắt gió nấn hình là không cần số nữ trang này”.

Vì thế, ngày 4-7-1937 (28-5-Đinh Sửu), Hội Thánh mới ra Thông Tri số 39 kêu gọi như sau: “Ai là người tâm Đạo, ai là người có dạ nhiệt thành, biết rằng Trời giáng trần cứu thế, nên đem cả mãnh lực tinh thần, kể công người của, kể ít người nhiều đăng tô điểm vẽ vời cho cơ thể Đạo trở nên xinh lịch. Ấy là công nghiệp thứ nhất của chúng ta đối với tương lai Đạo. Giàu nghèo chẳng nệ xin trọn tấc thành cùng Đại Từ Phụ. Buổi này tưởng lại chẳng công quả nào vĩ đại bằng công quả tạo Đền Thờ cho mau thành tựu hầu trợ cả Đức Tin con cái yêu dấu của Thầy cho ra thiết tướng”.

Nhờ sự hưởng ứng của toàn Đạo và sự chăm sóc từng ly, từng tí và hầu như thường trực hằng ngày của Đức Phạm Hộ Pháp, vừa xây xong năm 1941, chưa kịp tô hồ trang hoàng đắp vẽ thì Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt.

Đến năm 1946, Đức Ngài trở về tiếp tục chỉnh đốn tô điểm Tòa Thánh. Nhưng có điều khó khăn là bức tường ở Hiệp Thiên Đài chắn lối vào Cửa Trùng Đài do Đức Lý dạy xây dựng nhưng chưa chỉ vẽ trang trí hình tượng. Trong một buổi định thần, Đức Ngài được Đức Lý mách sẽ có người đến phát vẽ Thánh Tượng.

Năm 1947, ông Lê Minh Tông một họa sĩ ở Gia Định bị Pháp tình nghi làm quốc sự, bị Pháp đày ra Côn Đảo rồi được thả chỉ sau ngày hồi loan của Đức Hộ Pháp vài tháng.

Ông Tông về nhà được đôi ngày dự định đi thăm bạn ở Biên Hòa. Khi ra bến xe Ngã Sáu chừ Thần lại xuôi khiến ông Tông lên xe đi Tây Ninh. Khi đến nơi ông Tông mới hay mình đã đến chợ Ngã Năm. Ông từng nghe Tòa Thánh cảnh đẹp nên vào thăm. Đến Hộ Pháp Đường, ông lấp ló nhìn vào trong. Bảo Thế vào báo lên Đức Hộ Pháp, Ngài biết ngay là người Đức Lý phái đến.

Khi Đức Ngài trấn Thần tượng Tam Thánh vào 8 giờ sáng Ngày 10-7-Mậu Tý (11-8-1948), Luật sư Võ Quang Tâm tường thuật như sau:

“Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tông vâng lệnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ: 2,80m X 1,90m. “Hình tượng bằng người thường. Đức Thanh Sơn cầm bút lông mèo, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cầm bút lông ngỗng và Đức Tôn Trung Sơn cầm nghiêng mực.

Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ:

Hán Văn:

THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ - BÁC ÁI CÔNG BÌNH

Pháp văn:

DIEU ET HUMANITÉ - AMOUR ET JUSTICE



“Đi sau bàn đưa có Đức Hộ Pháp, kế là các Ngài Bảo Thế, Khai Đạo

...

“Đến Đền Thánh, đi vào cửa hông phía Nam, tiến lên Cung Đạo, day mặt tượng ảnh vào Bát Quái Đài. Trước hết Đức Hộ Pháp xông tay vào lư hương và áp vào mặt tượng ba lần, rồi Ngài bước xuống cầm lư hương xông tượng vẽ ba ảnh để khử trừc.

“Khi Đức Hộ Pháp trấn Thần tượng ảnh Tam Thánh xong, các nhân viên từng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng tới cửa trước, rồi đi vào Hiệp Thiên Đài, đến thỉnh Thánh Tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra phía trước Đền Thánh.

Đức Hộ Pháp giải thích :

- 1- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.
- 2- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ.
- 3- Đức Tôn Trung Sơn.

Là đại diện Hội Thánh Ngoại Giáo, các Ngài là những Thiên Mạng truyền giáo ngoại quốc, cho nên tượng ảnh để ở Hiệp Thiên Đài, quay mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi Thiêng Liêng của các Ngài.

“Cái khuôn xi măng đúc trên vách Hiệp Thiên Đài, từ ngày tạo tác Tổ Đình là để dành đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia Bàn Đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

“Ngày nay, vị Hiền Tài ở Hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lệnh cho vẽ tượng ảnh này. Mới hiểu rằng Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến.

Trước tượng ảnh không có Bàn thờ chi hết vì chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy. Từ Ngày 10-7-Mậu Tý, tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp Thiên Đài, là biểu hiện cho chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài”.

Xem thế, ông Lê Minh Tông từ một họa sĩ rồi ngộ Đạo được Đức Hộ Pháp ban cho phẩm Hiền Tài. Mãi đến đêm 17 Tháng 10 Năm Kỷ Dậu (26-11-1969), Đức Ngài giáng Cơ ban phẩm Bảo Công Quân cho Lê Minh Tông cùng với hai Hiền Tài khác phẩm Bảo Huyền Linh Quân và Bảo Sĩ Quân, là đủ 12 Bảo Quân.

Đền Thánh dài 96 thước, rộng 22 thước, cao 27 thước về phía tháp chuông trống Hiệp Thiên Đài, 25 thước về nơi Cửa Trùng Đài, 30 thước nơi Bát Quái Đài. Mặt tiền hướng về phía Tây trang hoàng rất mỹ thuật với tất cả biểu hiện của Tam Giáo và Ngũ Chi.

Đền Thánh kiến trúc thật vĩ đại. Không ai có thể tưởng tượng được một công trình đồ sộ như vậy mà Đức Ngài chỉ kêu gọi chư Tín hữu làm công quả và lương thực cùng do hiến dâng của mọi nhà hảo



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

tâm. Bởi Đức Ngài quan niệm rằng Tòa Thánh là chung của nhơn sanh không ai được độc quyền xây cất mà phải do chính Đức Tin của mọi người đóng góp vào không phân biệt lương giáo. Cũng để có bầu khí Thiêng Liêng vĩnh cửu, tất cả thợ hồ phải thủ trình hạnh và chay lạc trong suốt thời kỳ tạo tác. Thế nên, suốt thời gian xây cất dù độ cao cheo leo khó khăn không ai phải thiệt mạng, mà được các Đấng hộ trì tai qua nạn khỏi.

Để tôn vinh toàn thể nhân dân lao động, ngoài công trình đắp hình các Thánh, ông Bùi Ái Thoại là người bình dân ít học đã đắp Lao Động Đài ở bao lớn tiền Tòa Thánh, chỗ danh dự nhất, tám hạng người lao động: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiều, Canh, Mục.

Ông Bùi Ái Thoại được điểm công hàng đầu và đặc phong Thánh Nhơn do Đạo Nghị Định số 7/PT, Đức Phạm Hộ Pháp ký ngày 14-2-Mậu Dần (dl 15-3-1938). Hai phẩm Thánh Nhơn và Bảo Quân (Lê Minh Tông) đều đối phẩm Phối Sư bên Cửu Trùng Đài.

Xem thế những vị có công xây dựng Tòa Thánh đều được Đạo phong thưởng xứng đáng.

Dưới đây xin trích đoạn đầu và đoạn chót của “Tờ Bàn Giao Đền Thờ Đức Chí Tôn cho Hội Thánh”:

Tòa Thánh, Ngày Mừng 3 Tháng 1 Năm Đinh Hợi. (Dl. Ngày 24-1-1948)

Chúng tôi đồng đứng tên dưới đây là Tổng Giám, Tá Lý, nhân công nam nữ xin dâng 3 bốn này lên Hội Thánh.

Nguyên Năm Bính Tý (1936), các con có làm tờ trình nguyện làm Đền Thờ Đức Chí Tôn. Nay các con đã hoàn thành, xin giao lại cho Hội Thánh.

Vi Bằng: Vị Tổng Giám xây Tòa Thánh Lê Văn Bằng xin phép Đức Hộ Pháp cho toàn nhân công nam nữ ra mắt vị Tiên vãng. Đoạn Đức Hộ Pháp mời cả Chức Sắc nam nữ vào lạy Chí Tôn ban ân huệ cho cả gia quyến các công thợ và thiện tâm hỷ cúng vào sự tạo tác Tòa Thánh.

Khi bái lễ xong, Đức Hộ Pháp nhân danh Hội Thánh để lời cảm tạ tấm lòng thiết thạch của những môn đệ chí hiếu và tận trung. Kể công, người của đã trải qua biết bao thời gian nguy biến, gian lao, gìn giữ Đức Tin, mới lần hồi kiến tạo nên một Đền Thờ vĩ đại, oai nghiêm tráng lệ đường này.

Vị Tá Lý Lê Ngọc Lữ thay mặt Tổng Giám Lê Văn Bằng đọc lời chúc mừng: “Tòa Thánh là hồn Đạo, là khối Đức Tin lớn xuất hiện tại vùng Á Đông vào cuối kỳ Hạ Nguơn. Nhờ nơi huyền diệu Thiêng Liêng mà Đạo đăng phổ thông mau chóng, nhiều Tín đồ đã từng giáo, nên Đạo phải có Thánh thể của Chí Tôn tại thế mà tụ khối Đức Tin của toàn nhơn loại. Vì lẽ đó Đức Quyền Giáo Tông, ba vị Chánh Phối Sư thi hành theo tiếng gọi của nhơn sanh để làm Tòa Thánh. Biết bao nhiêu hăng hái vui mừng chung hợp xây Tòa Thánh cho mau rồi..”.

Khi vị Tá Lý đọc xong, Đức Hộ Pháp đáp lời: “Bần Đạo không ngờ mấy em phái nữ đã đạt được kỳ công. Nhớ lại khi mới khởi công, Bần Đạo chỉ chọn phái nam, sau vì nhân công không đủ nên chọn thêm mấy em nữ. Ban đầu trộn hồ, gánh gạch, lặn hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

làm càng ngày càng tiến như phần đông nam phái. Mọi việc chi đủ nam nữ, Âm Dương, mới tạo thành lý Đạo. Ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khi ấy, vì dè dặt, Bàn Đạo mới buộc mấy em phải hồng thệ và thủ trinh cho tinh khiết mà xây Đền Thánh. Ngày nay đặng hoàn thành, Bàn Đạo sẽ giải thệ cho mấy em nào muốn ra lập gia đình tùy thích”.

Đức Hộ Pháp kêu Tổng Giám Lê Văn Bằng đem Tờ Giao - Lãnh mà khi xưa mấy vị này đã ký với Hội Thánh, Đức Ngài ký tên với danh vị thợ hồ.

Thật vậy chính người thợ hồ Phạm Công Tắc đã hướng dẫn thiết kế dựng và đắp hình trong ngoài Đền Thánh lưu để mai sau. Đền Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, là mẫu mực cho nhân loại noi theo. Nơi nào muốn tạo dựng Thánh Thất cũng phải lấy họa đồ mà xây cất đủ ba Đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Đức Hộ Pháp cho phép được tiết giảm đắp vẽ hình nơi các Thánh Thất ít hơn ở Tòa Thánh: không đắp hình Tam Giáo, Ngũ Chi, Thất Hiền, Bát Tiên trên các tấm hoành chữ M, không đắp Tứ Linh, các cột rồng trong Cửu Trùng Đài, không đắp hình Đức Quyền Giáo Tông và bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh nơi lầu Hiệp Thiên Đài .v.v..

Tại tư gia, Đức Ngài cho thờ thống nhất tượng Ngũ Chi đặt lên tran thờ tôn nghiêm có ba bậc biểu tượng Tam Kỳ, Tam Giáo. Kỹ thuật điêu khắc chạm trổ của các nghệ nhân nơi các khánh thờ mỗi ngày một tinh vi điêu luyện nhưng vẫn giữ nguyên tam cấp như thuở ban đầu.

Nhằm nâng cao nghệ thuật chưng bồng, hàng năm vào hai ngày Lễ lớn: Vía Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, Cửu Vị Nữ Phật, Long, Lân, Qui, Phụng... đều có thưởng nên ngày càng phát triển. Nghệ nhân các tỉnh phải về Tòa Thánh học hỏi. Về sau, vì hoàn cảnh khó khăn, các cộ bồng gom vào triển lãm, long lân... lên Bàn Thờ gia tiên tô điểm cho ngày tân hôn, xuân Tết, v.v..

Các tỉnh có nghệ thuật chưng hình thú là phát xuất từ Tây Ninh



TRẦN THÁNH PHI CHÂU

Tin Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt và bị đưa đi an trí loang ra làm chấn động cả toàn Đạo. Chức sắc và Đạo hữu xôn xao lo lắng, lại âu lo không rõ rồi đây nghiệp Đạo sẽ ra sao. Chức sắc đương quyền lúc ấy, một số tản cư đi lánh mặt, còn một số quyết chết vì Thầy vì Đạo ở lại làm việc.

Ngày 16.06 năm Tân Ty, một phiên nhóm bất thường của các Chức Sắc tại Tòa Thánh để giao quyền cho ba vị Chánh Phối Sư, trong lúc Đức Hộ Pháp vắng mặt. Nhưng không biết có điều gì bí ẩn, mà hai vị Luật Sư Hiệp Thiên Đài là Phan Hữu Phước và Võ Văn Nhơn tranh giành các bốn Vị Bằng trước mặt ba vị Chánh Phối Sư. Thế nên việc cầm quyền thống nhất của ba vị Chánh Phối Sư không thành. Tòa Thánh lúc ấy do Giáo Sư Thượng Tước Thanh và Giáo Hữu Thượng Chất Thanh điều hành và



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

sắp đặt mọi việc để gìn giữ cơ nghiệp Đạo. Tuy nhiên, hàng tháng hai ông mới đến thăm một lần, chớ không dám ở.

Ngày 01.06 năm Tân Ty, Đức Hộ Pháp cùng năm vị Chức sắc: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Giáo Sư Thái Phấn Thanh (bị bắt ở Cao Miên), Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Quyền Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến bị dẫn giải về giam tại Sài Gòn.

Sau đây là vài nét về chư vị Chức sắc trên:

1. Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1889-1954) được cầm Quyền Ngọc Chánh Phối Sư (1930), Chưởng Quản Phước Thiện (1937). Năm 1946, Ngài lãnh Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh, rồi qui vị Ngày 22-01 Giáp Ngọ.

2. Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh; từ lúc khai Đạo đã có Ngài, sau ở Mã Đảo về, vẫn tiếp tục làm việc Đạo.

3. Giáo Sư Thái Gấm Thanh, tên họ thật là Thái Văn Gấm, ngôi Đầu Tộc Đạo Châu Đốc (1932-1933), Gia Định (1934- 1935), Thượng Thống Công Viện (1936-1937), Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo (1938-1939), đi mở Đạo miền Trung (1940) và qui tại Mã Đảo (1943).

4. Giáo Sư Thái Phấn Thanh tức Trần Văn Phấn giữ chức Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kiên Biên (1941), thì bị Pháp bắt lưu đày, khi về nước Ngài sống ở Vũng Tàu, sau về Gò Vấp và từ trần năm 1965 (Gia Định).

5. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến chết tại Mã Đảo, Phi Châu và về Cơ xưng là Thánh Phi Châu có bài thi như sau:

THI

Cuộc đời còn lắm nỗi gay go,
Các Đấng ghe phen đã dặn dò.
Hành Đạo Cao Đài cho phải Đạo,
Học trò Xiển Giáo đáng danh trò.
Lợi quyền chớp nhoáng đừng mơ mộng,
Đạo đức trường tồn gắng chí lo.
Một kiếp phù sinh không mấy lát,
Thật hành cho vẹn Thích, Tiên, Nho.

Ngày 27.07.1941, Đức Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc bị đưa xuống tàu Compiègne cùng mười hai chánh trị phạm tại cảng Nhà Rồng đi đến bến Diego Suarez, miền Bắc Madagascar. Tại đây đã có 11 chánh trị phạm người Việt khác đã bị Pháp đưa qua trước, hiệp chung là 29 người. Tất cả đều bị đưa đến quần đảo Comores.

Trong số chính trị phạm gồm có (06) Chức Sắc Đạo Cao Đài, (03) ba nhà cách mạng là Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Sang, Ngô Văn Phiến, còn lại là Đảng Viên Đệ Tam Quốc Tế. Tất cả bị giam tại quần đảo Comores từ Tháng 9 đến Tháng 11- 1941.



Sau khi đày Đức Phạm Hộ Pháp, giữa Năm 1942, quân Pháp được lệnh vào đóng quân ngay trên nền Đền Thánh mới xây cất, chưa kịp lót gạch và trang trí. Viên Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho binh lính đào đất dưới nền Hiệp Thiên Đài (vì chúng cho: “Hiệp Thiên Đài còn thì Đạo còn, Hiệp Thiên Đài mất, thì Đạo dứt”) chôn một trái mìn (mine) một ngàn kí lô.

Thực dân Pháp nghi ngờ Đạo Cao Đài có liên hệ với Phát Xít Đức vì trên nóc Hiệp Thiên Đài có chữ Vạn, nên chúng nghĩ thế nào Phát Xít Nhật cũng đến giải vây Tòa Thánh. Viên Tiểu Đoàn Trưởng lúc đó mới châm ngòi nổ, vừa diệt Nhật vừa diệt Đạo. Nhưng Nhật không tới, viên Tiểu Đoàn Trưởng đã được lệnh đổi đi và bàn giao cho Thiếu Tá Rouband. Ông Trên xui khiến, viên Tiểu Đoàn Trưởng không ghi “Mission Impossible” này trong biên bản, nên Rouband khi được lệnh rút khỏi Tòa Thánh, đã không thi hành “Sứ mạng bất khả thi” này.

Vào Tết Bính Thân (1950), anh Ba Tất (Lê Văn Tất) đọc tin này trên báo Paris Match, có trình lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài chỉ cười và bảo: “Nếu không có ai câu điện mà giựt, thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi”.

Mới hay, nơi Thầy ngự là Bạch Ngọc Kinh tại Thế, đầu thế phá đổ dễ dàng như ý nông cạn của một ít người.

Để hiểu một ít về Madagascar: nước này lệ thuộc Pháp từ thế kỷ XVII. Năm 1943, thuộc địa này bị Anh chiếm, nhưng Pháp vẫn còn chủ quyền (đây là chiến lược của phe Đồng Minh). Năm 1946, Madagascar được độc lập, Chính Phủ Liên Bang được thành lập, gọi tên mới là Cộng Hòa Malgache. Năm 1943, tình hình thế giới biến chuyển, Hitler chiếm nước Pháp. Pétain lập Chính phủ Vichy. De Gaulle lập Chính phủ lưu vong ở Anh. Pháp buộc phải dời Đức Hộ Pháp và các chánh trị phạm tới một đảo nhỏ, kín đáo, sát đảo lớn tên Nosy Lava (hay Nosi Lave) ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar. Tất cả bị câu lưu trong trại giam đến ngày 24.11.1944 mới được ra ngoài lao động. Trong những ngày tù đầy làm coọc-vê, Đức Ngài được Đức Chí Tôn che chở, khiến cho bao tai nạn đều qua. Một lần xe hơi chở Đức Ngài cùng mấy chục người tù, qua một chiếc cầu bắc ngang sông. Cầu gãy, xe rớt theo, thế mà bao nhiêu người cùng rơi theo, không ai hề hấn gì cả.

Một lần khác, cũng xe chở tù, trong đó có Ngài. Xe đang leo lên dốc núi thì bị thụt lùi, lăn từ trên cao xuống. May sao chỉ một gốc cây bên bờ vực thẳm mà ngăn được sức xe đang tuột dốc với một tốc độ kỳ dị. Tất cả mọi người đều hồn lìa khỏi xác từ từ tỉnh lại, bình tĩnh nhìn Ngài mà nói rằng: “Chúng ta thoát chết đều là nhờ ông lão này”. Nhờ đó, từ đây về sau ai ai cũng có thiện cảm với Đức Ngài. Đức Ngài quan sát vùng quê Mã Đảo thấy người dân da đen, nơi nào cũng nghèo nàn. Họ làm ruộng theo phương pháp cổ truyền. Họ lừa trâu bò quăng trên ruộng cho cỏ rạp xuống rồi vạch đất mà cấy, không dùng sức vật cày bừa như ở nước ta. Ngài thấy rõ ràng người Pháp không muốn mở mang nông nghiệp hay bất cứ việc gì, mà để dân ngu hòng dễ cai trị.

Lòng nhân của một Thiên Quân xui khiến Ngài phải hành động cứu nhân độ thế, dù bất cứ sắc dân nào. Ngài cùng Giáo Sư Phấn làm cây, làm bừa rồi mắc kế bò cày bừa thử nghiệm cho dân Malgache



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

thực hành. Họ tri ân Đức Ngài. Từ đó, phương pháp cày bằng trâu bò của nước ta được truyền rộng rãi trên Mã Đảo.

Dân Malgache cũng chưa biết xay lúa giã gạo, mà chỉ tuốt hạt rồi tọt như dân thiểu số ở nước ta. Ngài nhờ ông Trọng làm cối xay, còn chính Ngài đục khoét làm một cái cối giã gạo. Mới được cơm ăn, còn nhà ở của dân đảo hầu hết là tranh lá, Ngài chỉ cho họ cách làm lò nung gạch, in gạch, in ngói. Ngài cho phép dân chúng được phổ biến cách làm gạch để chống lại độc quyền của bọn Pháp.

Cái ăn, cái ở đã có, nhưng đầu óc còn ngu dốt, thì không thể cải hóa dân sinh dân trí một cách hữu hiệu được. Đức Ngài coi dân đảo như đồng bào ruột thịt của mình, cần khai hóa và mở mang trí tuệ họ. Ngài lập một trường tiểu học gần nơi Ngài sinh sống, dạy tiếng địa phương và tiếng Pháp. Vì thế, họ coi Ngài như một Đấng Sư Biếu.

Chưa hết, Ngài còn chỉ họ cách hầm vôi, cách làm vòng vàng, bông tai, cà rá, kiềng vàng..giúp cho đời tươi đẹp hơn lên. Một đệ tử đã cảm khái những hoạt động khai hóa và từ thiện của Đức Ngài bằng bài thi sau:

THI

Mến ông thợ bạc gốc Thầy tu,
Nuôi cả nhơn sanh bị nhốt tù.
Đẽo mẫu cày, bừa trâu lấm thóc,
Xây lò vôi, gạch, nhận nhiều xu.
Đất dàu kẻ khó thành Vương Khải,
Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư.
Thầy tớ gặp nhau trên đảo vắng,
Pháo đầu như nổ dưới chân cù.

“Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư”. Thật vậy, nhiệm vụ trọng yếu của Thiên Quân là truyền Đạo độ đời. Một hôm, Thiêng Liêng chuyển Đức Ngài đi qua đi lại nhà một cư sĩ trí thức ba lần. Vì được Sư ông báo trước sẽ có vị Phật sống đến độ dẫn, nên vị cư sĩ ra rước Ngài vào nhà, rồi quì xuống xin Ngài truyền Tâm Pháp Tu Chơn. Ngài mở huyền quang khiếu cho cư sĩ được chứng ngộ tại thế.

Một lần khác, cô Marie, sinh viên du học tại Pháp, nằm mộng thấy Thần linh mách bảo: “trong nước xuất hiện vị Phật sống”. Cô bỏ học trở về nước dù bị cha mẹ trách mắng, cô kiên trì tìm gặp Đức Ngài. Đức Ngài làm lễ Nhập môn cho cô Marie vào Đạo, rồi cô trở thành thư ký cho ông “thần khoán bất đắc dĩ” để giúp nhân sanh.

Đức Ngài được cô Marie đưa đi tham quan cảnh hồ “Lac Tinivar”. Hồ này nằm giữa hai ngọn đồi cao, hình bầu dục, bề ngang độ 300 thước, bề dài 500 thước, chấm dứt bằng một khoé ngắn, bên kia một khoé dài, kết hợp giống như một con mắt, mí dưới thấp, mí trên cao, rặng cây làm viền giống như chân mày. Rõ ràng là con mắt trái: “Thiên Nhãn”.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Trong những giờ rỗi rảnh nơi xứ lạ quê người, Đức Ngài không bao giờ không vọng tưởng đến Đấng Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng. Đức Ngài cùng Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển phò loan, được các Đấng giáng an ủi.

Một hôm Đức Tiêu Diêu Đạo Sĩ giáng cho bài thi như vậy:

THI

Lược chiến từng quen đã bấy lâu,
Thiên Cơ đã rõ máy cao sâu.
Dẫn lòng nhẫn nại chờ đôi lúc,
Sẽ thấy khuôn linh phép nhiệm mầu.

Chào Thiên Tôn và chư vị Thiên Phong, có Đức Nhân Âm Đạo Trưởng đến, để Bần Tăng đi triệu Thần Hoàng Bổn Cảnh tới gìn giữ Cơ.

Nhân Âm Đạo Sĩ cười ... Bần Tăng lấy làm cảm xúc cho chư vị dưỡng nầy. Hận thay cho giống đã man tàn bạo... Trung Quân là Nam Kinh đó vậy. Nơi ấy là ổ của Việt kiều. Thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

THI

Quá hải đòi phen đến viếng nhau,
Ngặt không Cơ bút để lời giao.
An nhàn đợi thuở triều linh địa,
Chuyển thế gặp thời phải múa đao.
Cõi Á trở thành nơi chủng quốc,
Phương Âu sẽ diệt tận nô lao.
Lửa hương đất Việt dầu quen nhúm,
Nhờ đám Trung Quân ở nước Tàu.

Ít lâu sau câu Cơ, một vị (phái nữ) giáng không xưng tên mà cho bài thi sau:

THI

Nô-si-lao tiếng đặt buồn cười,
Mi đã rước ai hỡi hỡi người.
Lượn thăm bữa ghềnh tình ột ạt,
Gió sầu xô đánh ái tới bời.
Yên phu điểu gọi thương cành sớm,
Giọng ngạn quyên kêu gọi buổi mai.
Tổ Quốc đón đường bao dặm thẳng,
Xa đưa thăm thẳm một phương trời.

Nosy Lava là hòn đảo nhỏ ở phía Tây Bắc quần đảo Madagascar. Về sau, Vô Danh thị lại giáng Cơ và nhủ: “Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong. Thiếp vì có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chư vị mang lệnh Chí Tôn cho nơi nghỉ ngơi đây. Chí Tôn than rằng: Chức sắc Thiên phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì cố ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ”.



THI

Đã phong trần phải chịu phong trần,
Có thân âu phải biết thương thân.
Nam xa ví chẳng vì đường khó,
Việt đành mong chi đơm lửa mừng.
Nặng gánh giang sơn là Thương Trụ,
Nhẹ tay cung kiếm ấy Thương Quân.
Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,
Mặt Địa cầu ta vốn định chùng.

Sau khi giải thích Nam xa, Việt đành thế nào, Vô Danh thị lại cho thi:

THI

Hòn đảo này đây trước nhất tù,
Mà nay làm khám nhất Thầy tu.
Quả như oan nghiệt, vay rồi trả,
Thì lữ Tây man, Nhật Bản trừ.

Những bài thơ trên đây đều có tính chất tiên đoán thời cuộc ở xứ nhà. Vô hình trung tuy xa thiên lý mà gần trong gang tấc. Tuy ít ai tin, nhưng việc gì tới sẽ tới.

Vô Danh thị là ai? Đó là Đức Linh Sơn Thánh Mẫu vâng lệnh Thất Nương Diêu Trì Cung đến viếng các Thánh bị nạn. Dù dấu tên nhưng Đức Hộ Pháp biết được, vì chiếc nhẫn ngọc trên tay Ngài phát hào quang khi Bà thăng.

Hạt ngọc nầy của ông Lễ Sanh Võ Văn Đợi tìm được ở Núi Bà, biếu cho Ngài. Nên biết ông Đợi theo Đức Hộ Pháp học tu tịnh, đã chứng ngộ biết trước được nhiều việc, nên Ngài đổi tên ông Đợi ra Võ Linh Đoán và cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung, để rước các Thầy tu ở núi lữ vận.

Biến cố Núi Điện điều tàn, một nhóm Chức sắc xin Đức Hộ Pháp cho rước cốt Bà Đen về Đền Thờ Phật Mẫu, Đức Ngài phê: “Bần Đạo vì thanh tình lúc bị lưu đày, Bà thường đến thăm mà thuận cho”. Trong thời gian bị lưu đày, Đức Hộ Pháp thường cầu Cơ, lúc với Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, lúc với Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Theo lời kể lại của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965, với ông Hội Trưởng Thánh Thất Bàu Sen, Phạm Duy Tẩy và soạn giả (ông Truyền đến nhà anh Hai Tẩy để chích thuốc. Ở đây bốn Đạo ai cũng biết):

Đêm Noel (1945), Đức Hộ Pháp và Ngài Khai Pháp phò Cơ, ông Nguyễn Thế Truyền làm đọc giả. Đức Lý giảng Cơ cho biết các ông sẽ được thả và đưa về Việt Nam vào cuối năm 1946.

Rồi Đức Lý ân phong cho ba ông:

1. Ông Nguyễn Thế Truyền phẩm Bảo Địa Lý Quân, giữ tròn vẹn lãnh thổ Việt Nam.
2. Ông Nguyễn Thế Song phẩm Bảo Thương Quân áp dụng việc trao đổi và điều hòa hàng hóa trong chúng sanh.
3. Ông Ngô Văn Phiến phẩm Bảo Tinh Quân để bảo vệ môi trường và sinh mạng nhân loại.



Ngày 1 Tháng 10 Năm 1946, Đức Hộ Pháp và các ông được tự do và trả về Việt Nam. Hai ông thường liên lạc với nhau. “Tôi (L.H.CH.) thường gặp ông Nguyễn Thế Truyền khi tại Tòa Thánh Tây Ninh, khi ở Văn Phòng liên lạc số 145 đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) hay địa chỉ của Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Giáo Chủ Đạo Cao Đài, người bạn tù với ông ở Madagascar”.



HẾT MÙA PHÁP NẠN

Một hôm Đức Hộ Pháp nói với Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, người được Pháp cử làm đại diện tù nhơn tại Mã Đảo rằng: “Ba hôm nữa, chúng ta sẽ trở về nước”.

Ngài Trần Duy Nghĩa cho là chuyện huyền hoặc, bịa đặt nên đáp: “Ông đã bày đặt Thượng Đế, Tiên, Phật, chớ làm gì có, để ngày nay đến nỗi này”. Nói rồi hất quần áo của Đức Ngài từ trên phẳng rơi xuống đất. Đức Ngài rơi lệ, cúi xuống nhặt và nói: “Thánh Pierre lần này là lần thứ ba người phản ta”. Nên biết Ngươn linh của Ngài Trần Khai Pháp là Thánh Pierre.

Ba hôm sau, quả như lời, quý vị được trả tự do. Ngài Trần Duy Nghĩa phải lạy Đức Ngài để xin lỗi. Bởi lẽ, sau khi người Pháp trở lại Đông Dương (Tháng 9.1945), tình hình Việt Nam lúc bấy giờ thật rối ren, đảng phái nổi dậy nhiều nơi. Người Pháp muốn nắm lấy một vài đoàn thể có tổ chức chặt chẽ, đủ mạnh khả dĩ đương đầu với tình thế lúc bấy giờ.

Ở Việt Nam, Ngày 8.04 Bính Tuất (8.05.1946), các cơ sở Đạo tại Sài gòn bị Chính phủ Pháp phong tỏa và bắt giam các người lãnh đạo. Họ hăm dọa đánh khảo và sau cùng yêu cầu hiệp tác. Sau 22 ngày bị bắt, bị đánh đập và sau ba ngày hội đàm, Trần Quang Vinh và Ménage ký Thỏa Ước Ngày 9.06.1946, đại để:

- Đối với Pháp: Quân đội Cao Đài ngưng chiến đấu và giải tán tất cả các bộ đội lưu động kháng chiến.
- Đối với Đạo: Quân Pháp ngưng các cuộc khủng bố, không bắt giam tín hữu, bảo đảm quyền tự do hành giáo và truyền giáo. Mở cửa Tòa Thánh và các Thánh Thất, được tự do tế tự trong phạm vi tôn giáo. Trao trả Đức Hộ Pháp và chư vị Thiên Phong về cố quốc, phục hồi các quyền công dân cho chư vị đó.

Vì các điều khoản đó mà Chính phủ Pháp mới trả tự do cho Đức Hộ Pháp. Khởi đầu Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (tức Trần Quang Vinh), Ngày 16.08.1946 đến gặp Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ Cédile và Đồng Lý Văn Phòng Frémolle bàn tính việc rước Đức Hộ Pháp bằng máy bay để tỏ sự kính trọng đối với vị lãnh đạo một Tôn giáo lớn.

Ngày 20.08.1946, nhà cầm quyền Pháp báo cho Đạo biết chuyên tàu Ile De France cập bến Vũng Tàu, trong đó có Đức Ngài. Giáo Sư Thượng Vinh Thanh vội ra Châu Tri cho toàn Đạo hay đăng chuẩn bị đón rước. Nhưng sau đó được tin mới, trên tàu Ile De France sắp cập bến, không có Đức Hộ



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Pháp và chưa rõ ngày nào về. Vì lẽ đó Pháp cho một ít người tuyên truyền rằng: Pháp không biết bao giờ thả Đức Phạm Hộ Pháp. Mục đích của nhà cầm quyền Pháp là tránh dân Đạo tụ tập đông đảo mất an ninh.

Chiều Ngày 21.08.1946, được tin chuyến tàu Ile De France đã cập bến Vũng Tàu (Cap Saint Jacques) trong đó có Đức Hộ Pháp. Nhà cầm quyền Pháp chuẩn bị đi rước bằng máy bay từ Cáp về Sài Gòn. 09 giờ 20 sáng Ngày 22.08.1946, phi cơ cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhứt, phái đoàn gồm có Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, ông Frémolle, Đồng Lý Văn Phòng của ông Cédile, Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ, ông Bazin, Sĩ quan Cò Mật thám. Khi đến Cáp, phi cơ bay lượn ba vòng trên chiếc tàu Ile De France rồi mới đáp xuống phi trường.

Nơi đó đã có quan Chủ Tỉnh Cap Saint-Jacques, M. Ropion, chờ tiếp đón. Rồi cả thầy lên xe hơi xuống bến tàu. Khi gặp mặt Đức Hộ Pháp, ai nấy đều mừng rỡ. Riêng ông Frémolle, thì ôm lấy Đức Ngài mà tỏ tình tri ngộ, vì lúc ở Mã Đảo hai người đã quen biết nhau. Kế đến là quan Tư Pháp Désanges và phu nhơn, người có phận sự đưa Đức Hộ Pháp từ Mã Đảo đến Sài Gòn gặp Phái đoàn. Sau khi thủ tục hành chính thông thường xong, thì phái đoàn đưa Đức Ngài xuống tàu nhỏ trở vào đất liền.

Ông Chánh Chủ Tỉnh, M. Ropion rước Đức Ngài và phái đoàn về tư dinh đãi buổi cơm trưa. Sau đó, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh thuật lại giai đoạn mà Đức Ngài bị nạn (1941-1946). Nào là Tòa Thánh bị chiếm, chư Chức sắc phải hành Đạo ở Kiêm Biên (hạ tuần Tháng 3 Năm Nhâm Ngọ, 1942), hiệp tác với Nhật Bản (1.12 Nhâm-Ngọ), ở hăng tàu Nitinan và Nội Ứng Nghĩa binh (1.01 Ất Dậu), lập Cao Đài Tham Mưu Quân Sự Vụ, hiệp tác với Mặt Trận Việt Minh, tới Thoả Ước ngày 9.06.1946. Riêng Thoả Ước thì Đức Ngài có vẻ trầm ngâm, khá lâu rồi mới nói: “Luật Công Bình Thiêng Liêng của Tạo Hóa, dầu muốn dầu không cũng không thể sửa cải đặng..., còn thiếu 2 Năm 10 Tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt Nam dứt đặng...”.

Ý Đức Ngài muốn nói: Hoàn cảnh thúc bách đã tạo ra quân đội, nhưng cũng là cái nạn mà Ngài phải lưu vong sau này, nhận thay cái khổ cho nhân sanh. Đức Ngài đã biết trước mọi lẽ, nhưng không thể cãi lại Luật Thiên Điều.

Tín đồ các nơi tấp nập kéo đến thăm Đức Ngài. Đức Ngài giang tay tiếp từng người để tỏ lòng triu mến. Đức Ngài ngùi ngùi kể lại những năm dài lao khổ nơi hải ngoại, mà các Đấng lúc nào cũng giáng Cơ an ủi Đức Ngài. Tiếp đó là Giáo Sư Thượng Vinh Thanh và bốn bộ lần lượt kể lại tất cả sự việc 5 năm qua, buồn vui lẫn lộn.

Ngày 30.08.1946, toàn Đạo và Chánh Phủ làm lễ rước Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh. Đoàn xe gồm 5 chiếc của Đạo và 7 chiếc của Pháp, nhưng chỉ có 5 chiếc của Đạo mới đưa về tới Tây Ninh.

Khi gần tới Tây Ninh, thì có Chủ Tỉnh Tây Ninh ra nghinh tiếp vào dinh Tỉnh Trưởng đàm luận. Sau đó, đoàn xe tiếp tục về Tòa Thánh đúng 12 giờ trưa. Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài với toàn thể tín đồ nam nữ đã xếp hàng dày đặc hai bên đường nghênh tiếp Đức Ngài. Xe vừa ngừng,



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Đức Ngài xuống xe bước vào cửa Đền Thánh, Đức Ngài quá cảm động khi đối diện người xưa cảnh cũ đến nỗi không ngăn được dòng lệ cảm hoài.

Các Chức sắc thấy thế cũng chan hòa đồng nhịp tung châu thương hận. Tiếng Đại Hồng Chung đổ hồi mừng người xưa trở lại. Người người trật tự đi sau lưng Đức Ngài bước vào Bửu Điện đánh lễ Đức Chí Tôn. Sau đó, Đức Ngài qua Giáo Tông Đường làm lễ Đức Quyền Giáo Tông, đoạn xuống phòng khách dự chứng cuộc tiếp nghinh.

Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước đại diện cho Hiệp Thiên Đài, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh đại diện cho Cửu Trùng Đài và một sĩ quan Pháp đại diện cho Chính Phủ Bảo Hộ, mỗi người đọc một bài diễn văn để chúc mừng. Sau cùng, Đức Ngài đáp từ và tuyên bố về chủ trương của Đạo Cao Đài. Bữa tiệc mừng ngày hồi loan của Đức Phạm Hộ Pháp bắt đầu trong bầu không khí vui tươi cởi mở. Tất cả đều hướng về Đức Ngài trông đợi những ngày thanh bình thịnh trị.

Sau đó Đức Cao Thượng Sanh đến thăm Đức Ngài, có lưu một bài thơ cảm tác như vậy:

Cảm Tác

Nhành lá rừng tòng đã điểm tươi,
Còn non còn nước lại còn người.
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,
Gặp bạn này khi khóc lộn cười.
Nguồn Đạo xưa trong đôi cảnh nghịch,
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.
Trời Nam thử điểm trang tân sử,
Đổ lệ cùng nhau gượng để lời.

Cao Thượng Sanh

Họa Vận

Sắc son nhuộm tánh đậm màu tươi,
Hay dở khen chê để miệng người.
Đầy đọa xét thân không hổ thẹn,
Sang vinh nghĩ phận quá buồn cười.
Vó kỳ từng trải đường nguy hiểm,
Cánh hạc quen chịu gió ngược xuôi.
Ước trả mảy may ơn xã tắc,
Nợ muôn đền một kể chi lời.

Đức Hộ Pháp

Lại Họa Vận

Màu xe Tây vức ngấm thêm tươi,
Hỏi khách Hồn gương đặng mấy người.
Ly hận ngày qua, non ngó khóc,
Trùng hưng buổi hiện, gió reo cười.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Cơ huyền trí tịnh tan rồi hiệp,
Phép Tạo tay cầm ngược cũng xuôi.
Tỏ đặng nỗi mừng chia hạnh phúc,
Đá kia cũng gặt để nên lời.

Cao Tiếp Đạo

Đức Cao Thượng Sanh ở lại để cúng Rằm và dự Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, bà Bát Nương giáng Cơ cho Đức Hộ Pháp thi:

THI

Đào nguyên lại trở trái hai lần,
Ai ngữ Việt thường đã thấy Lân.
Cung Đẩu ví xa gương Xích quý,
Thiên Cung mở rộng cửa Hà ngân.
Xuân Thu định vững ngôi lương tể,
Phát Chủ quét tan lũ nịnh thần.
Thổi khí vĩnh sanh lau xã tặc,
Mở đường quốc thể định Phong vân.

BÁT NƯƠNG

Họa Vận

Chông gai đường Đạo mãng dò lần,
Từ bước ta bà trở cố lân.
Biển Bắc vừa nghe hơi súng nổ,
Gành Nam kế lóng tiếng chuông ngân.
Buồm thuyền tế độ sang mơ mộng,
Gió hạc chiêu Tiên giục định thần.
Cam lộ kìa ai dành để sẵn,
Cành Dương rửa sạch nét phù vân.

Đức Hộ Pháp

Lại Họa Vận

Dựng gầy xã tặc bấy nhiêu lần,
Mong mỗi vùng Nam đặng thấy Lân.
Đãnh Việt Trời che gìn cảnh trí,
Thuyền Nam Đạo vững lướt dòng ngân.
Đài hoa tạc để gương anh kiệt,
Thiên khiển dành riêng đám tội thần.
Gặp phải nước nhà cơn loạn lạc,
Làm trai tua vẹn trí thanh vân.

Cao Thượng Sanh



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, ông Lê Sanh Thượng Tý Thanh vào viếng Sư Phụ. Đức Ngài nhìn ông rồi hỏi: “Sao mấy em cắt tóc ngắn hết vậy?”.

Ông Tý trình rằng: Khi vào làm hăng tàu Nitinan, Nhật buộc phải cắt tóc. Các ông có cầu Cơ được Đức Lý chuẩn thuận. Đức Ngài chuyển sang việc Nội Ứng Nghĩa binh tham gia đảo chánh ngày 9.03.1945. Đức Ngài nói: “Các em tham gia đảo chánh, thì tự nhận tương lai của mình, không em nào được vào lịch kỷ niệm của Đạo, giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công, cũng không được vào lịch kỷ niệm”.

Ai cũng biết, quân đội Cao Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội Ứng Nghĩa binh (1945), trước khi Đức Hộ Pháp được trả tự do. Thế nên Đức Ngài minh định: “Chỉ có quân đội Cao Đài thi hành những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập”.

Văn thư số 115/HP-TTVP đề Ngày 17.01.1949 gửi cho Thượng Sứ Pháp và Đại Tướng Blaizot, Tư Lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, Đức Ngài đã viết rõ: “Sự hiện diện của những tổ chức quân lực Cao Đài của chúng tôi đã đến giai đoạn không còn cần thiết nữa. Chúng tôi để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ để chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày ấy”. Chân dung Đức Hộ Pháp trong những năm bị lưu đày, thể hiện rõ tư tưởng Đại Đồng, yêu thương nhân loại. Đức Ngài đã giúp dân Malgache cải thiện cuộc sống và thân hữu với kẻ địch. Ngoài lòng yêu dân (Ngài có bút hiệu là Ái Dân) còn nhớ cố hương trong những lúc rảnh rỗi, Đức Ngài trò chuyện với ông Nguyễn Thế Truyền rất là tâm đắc.

Ông Truyền kể cho Đức Ngài về hoạt động của nhóm Ngũ Long (Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh) trong những năm đầu của thế kỷ hai mươi này ở Pháp. Ông Truyền cho biết ông Nguyễn Ái Quốc có tình yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, nhất định phải giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ của Thực dân Pháp.

Nhờ đó, hai ông thân nhau và lập ra nhóm Ngũ Bạch. Rồi cầu Cơ, Đức Lý giáng Cơ thu nhận ba nhà cách mạng vào hàng Bảo Quân. Xem thế dù hoàn cảnh khó khăn nào, Đức Ngài luôn Phổ Độ chúng sanh như lời nguyện.



VAI TRÒ CỦA ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP VỚI BÍ PHÁP

Trước hết, nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không lời tuyên thệ, lời nguyện, mà là một cuộc hành pháp trực Chơn Thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để Chơn Linh Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài.

Từ đó, Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Cao Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể như Chơn Linh của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo. Ngài đã được Đức Chí Tôn giao trọng trách đứng đầu



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Hiệp Thiên Đài, thông công với các Đấng và chịu trách nhiệm về phần Chơn Thần của toàn thể Đạo hữu (chỉ chung cả Chức sắc), còn phẩm Giáo Tông chỉ có quyền về phần xác mà thôi.

Năm 1929, Đức Phạm Hộ Pháp lập Khổ Hiền Trang, mở Phạm Môn tu luyện không áo mũ với “Phương Luyện Kỳ” để đạt Cơ giải thoát. Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn đã dạy: “Hộ Pháp hằng đứng (nơi Vi Hộ) 1 mà gìn giữ Chơn Linh các con khi luyện Đạo đặng hiệp Tinh với Khí, rồi Khí với Thần, đến Chơn Thần hiệp làm một mà siêu phàm nhập Thánh”.

Năm 1951, tại Trí Huệ Cung, Đức Phật Mẫu cũng ban cho Đức Ngài “Vện toàn Pháp môn”:

Hễ làm Mẹ quyền hành dạy trẻ,
Con đừng lo mạng thế thi phàm.
Huyền Linh mẹ chịu phần cam,
Ban cho con trẻ vện toàn Pháp môn.

Vì thế, dù Đức Ngài còn ở thế hay qui Thiên, Đức Ngài sẽ diệu dụng quyền năng điển lực của Kim Quang Tiên trợ phần cho hành giả công phu tu luyện đạt thành chánh quả.

Khi sinh tiền, ai đến xin luyện Đạo, Đức Ngài CÂN THẦN, đo mức độ khí trực trong người đó coi có đủ sức chịu nổi điển lực Thiêng Liêng không, nếu kém sức sẽ biến tướng thành Tả Đạo, thì không cho luyện Đạo. Các vị Thời Quân Chi Pháp cũng có truyền Bí Pháp cho Chức sắc, nhưng khả năng cân thần không bằng Đức Ngài.

Năm 1936, các vị Phạm Môn chuyển qua Phước Thiện, nhận lãnh Đầu Hộ Đạo Phước Thiện tại các Tỉnh, Đức Hộ Pháp đã truyền các phép Bí Tích: Giải Oan, Tắm Thánh, Phép Xác và Hôn Phối cho các vị tân Đầu Hộ tại Hộ Pháp Đường. Đức Ngài còn hành pháp trực Thần, khai khiếu và ban Pháp Bạch Đăng (cây đèn trắng) để khi hành Đạo tha phương gặp khó khăn, thắp đèn lên vào giờ Tý rồi thành tâm cầu nguyện Đức Ngài hiển linh chỉ giáo.

Nhiều Chức sắc như Chí Thiện Võ văn Đợi, Giáo Hữu Thượng Tý Thanh ... đã được dạy Đạo qua phương pháp này. Huyền diệu nhất là việc Đầu Sư Thái Thơ Thanh được Đức Ngài trợ Thần khi tịnh luyện. Ngài Thái Đầu Sư rất kính phục và hủy bỏ sơ đồ xây dựng Nội ô Tòa Thánh theo ý phàm và giao việc xây cất Tòa Thánh lại cho Đức Hộ Pháp làm theo Thiên khai, mà trong chuyến xuất Thần vân du Ngài thấy được.

Xem thế, ngay buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy người theo Đạo tu thân là: Công quả và Tịnh luyện. Tân Luật cũng xác nhận: Đạo gồm các Thánh Thất (Thế Pháp) và Tịnh Thất (Bí Pháp Thiên định).

Thế Pháp là hình tướng của Đạo, biểu tượng là Hội Thánh. Bí Pháp là quyền năng của điển lực để người Đạo giải thoát, thuộc Hiệp Thiên Đài.

Thế nên, lúc mới khai Đạo, nặng về Phổ Độ để đưa người vào cửa Đạo, sinh hoạt đạo lý mà lập Công, lập Ngôn rồi lập Đức mà tiêu trừ nghiệp chướng.

Hai phần Phổ Độ và Vô vi nằm chung trong Chánh Thế Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hội Thánh Cao Đài thực hành trọn vẹn cả hai.

Bởi lẽ, trong Chơn truyền của Đức Chí Tôn không hề có sự phân chia hai phần:

1. Phổ Độ là ngoại giáo Công Truyền do Tòa Thánh Tây Ninh đảm trách,
2. Vô vi Tịnh Luyện là nội giáo Bí Truyền do Chi Phái thực thi, như một ít người làm tướng.

Thể Pháp và Bí Pháp tương liên khấn khít với nhau như hình với bóng. Hễ có hình thì có bóng, có bóng tức có hình. Nói cách khác, cầu Kinh Tứ Thời là thể hình để người Đạo mỗi ngày một ít gom Thần định Trí và lý thanh cao tưởng đến Phật Trời. Còn cái bóng của kinh kệ là trạng thái sống tinh thần của người Đạo đạt được khi vọng niệm.

Các âm ba hòa nhập vào điển lực của Trời Phật làm thức tỉnh Chơn Thần. Âm ba Kinh kệ là cái bóng, chữ nghĩa Kinh kệ là cái hình. Hình với bóng không thể xa nhau.



LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH



Sang Năm 1955, từ Ngày 29.01 đến 8.02.1955 (mồng 6 đến 16. 01 Năm Ất Mùi) là Lễ Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh. Đây là một cuộc Lễ có một thời gian dài nhất 10 ngày. Số người từ các Tỉnh về tham dự Lễ lên đến hàng triệu và số người đến xem Lễ và đến quan sát trên hai triệu lượt người.

Vào mồng 8 Tháng Giêng Ất Mùi, Ngày chánh Lễ, Đại Đồng Xã bề ngang 40 thước, bề dài 80 thước, hai khán đài nam nữ mỗi cái chứa trên hai chục ngàn người đã chật nức.

Trên hàng ghế danh dự, ngoài Đức Hộ Pháp còn có Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, các Đại sứ các nước. Sân Đại Đồng Xã đã đầy người. Các Đạo hữu đến sau phải đứng tạm trong rừng Thiên nhiên sau hai khán đài chánh.

Thiếu bút mực để ghi chép các ngày lễ lớn đó!

Trong cuộc Lễ, Đức Phạm Hộ Pháp lên Thiên Hỉ Đài thuyết giảng:

“Hôm nay là ngày Kỷ Niệm Đạo Cao Đài đã ra mặt Quốc Tế. Nó đã ra mặt Quốc Tế rồi thì ta cũng nên luận về tình hình đương thời của các liệt cường”.

Giờ Tý đêm hôm đó, Hội Thánh rước Đức Hộ Pháp cất bằng Khánh Thành, pháo bông rực cháy hiện dòng chữ: “ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH” và khởi hành ngay Đại Lễ trong Chánh Điện.

Hôm sau, Lễ Khánh Thành Đền Thờ Phật Mẫu (tạm thờ tại Báo Ân Từ). Đến Ngày 12 Tháng Giêng Ất Mùi, Khánh thành các dinh thự như Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Nữ Đầu Sư Đường, Tòa Nội Chánh, Văn Phòng Hội Thánh Phước Thiện. Đức Ngài nói:



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

“Khởi đầu, Bần Đạo đi viếng các dinh thự: Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Bần Đạo cho toàn Chức sắc đương quyền Hành Chánh Đạo được rõ mục đích của Hội Thánh Phước Thiện do đâu mà sản xuất. Trong Pháp Chánh Truyền, Chí Tôn lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Trước khi Chí Tôn đến giao truyền mỗi Đạo là Thiên Điều đã định mở cửa Thập Nhị Khai Thiên đặng đem Cơ cứu khổ để lại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả Cửu nhị ức Nguyên Nhơn. Đức Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài chỉ có 15 người gồm Thập Nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Bần Đạo. Trong số 15 vị chỉ có 4, 5 vị lãnh lĩnh mà thôi.

Hội Thánh Cửu Trùng Đài của Giáo Tông, Hội Thánh Phước Thiện của Hộ Pháp. Hội Thánh Phước Thiện thay thế cho Hiệp Thiên Đài lo cứu khổ, giải khổ cho nhơn loại mà Hiệp Thiên Đài chỉ lãnh lĩnh có bốn, năm vị làm sao lập thành Cơ cứu khổ được. Bần Đạo chỉ lấy bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà lập thành:

BÀI THI

Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhật độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi Chơn mạng,
Tỉnh thế kỳ thân đắc Chánh tôn.

Vì bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà Bần Đạo mới lập ra Phạm Môn rồi sản xuất Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng vị”.

Đến Ngày Rằm Tháng Giêng năm đó làm lễ thiêu xác các Thánh Tông đồ, vì theo Thánh Ngôn chư Chức sắc Đại Thiên Phong qui vị ba năm thì thiêu xác. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết minh về việc này như sau:

“Cả toàn thể Quốc dân của chúng ta, hạng đại Đức cũng nhiều, hạng học thức cũng đông; nam cũng thế, nữ cũng thế. Vì sao họ không dành chỗ cho ông Lê văn Trung, ông Cao Quỳnh Cư, bà Lâm Ngọc Thanh, ông Lê Bá Trang (tên của Chư vị sắp thiêu xác)...

Ngọn lửa sẽ thiêu xác các Thánh ấy, nó sẽ biến thành ngọn lửa thiêng. Nó sẽ làm sáng chói Đạo Cao Đài đặng kêu gọi cả nhơn loại tìm một con đường giải thoát. Con đường cứu khổ của họ mà cũng là ngọn lửa Thiêng Liêng dìu dẫn cả tâm hồn con cái Đức Chí Tôn, luôn cả Thánh thể của Ngài nữa”. Xen trong cuộc Lễ Khánh Thành còn có các cuộc vui như triển lãm, văn đàn, đánh cờ người, văn nghệ, lửa trại, hòa nhạc, đấu bóng, cộ bông, v.v... Cuộc lễ chấm dứt trong niềm hân hoan và tin vào tương lai rực sáng của toàn thể Tín hữu.

Khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm từ giã ra về, Đức Hộ Pháp nhắc nhở Thủ Tướng nhớ sớm Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài. Thế nên, Chánh Phủ Ngô Đình Diệm đã ban hành lệnh Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài vào Ngày 2.05.1955. Từ đó, Đức Hộ Pháp từ vị Thượng Tôn Quản Thế do Thánh Lệnh số 704/VPHP ngày 11.03 Ất Mùi vì Đạo không còn quân đội nữa.

Tóm lại, thời gian từ Năm 1947-1955 là giai đoạn thanh bình thịnh trị của Đạo Cao Đài. Danh Đạo đã sáng chói trên hoàn cầu nhất là những Năm 1953-1954, chiến sự Điện Biên Phủ đang hồi quyết liệt.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Tòa Thánh trở thành cái nôi “Bảo Sanh” cho trí thức, thanh niên khỏi bị Pháp bắt đem nướng vào chiến trường miền Bắc.

Các chánh khách lũ lượt kéo về Thánh Địa như Trần Văn Ân, Hồ Hữu Tường, Phan Khắc Sửu, Vũ Tam Anh... Đạo phải lập nhà Quốc Sự Vụ cho họ tá túc. Các khoa bảng như Trần Văn Tuyên, Nhị Lang, Phạm Xuân Thái, Hồ Hán Sơn ... Các trí thức khác làm trong các Cơ Quan Đạo hoặc dạy học như Chu Văn Bình (tức Chu Tử), Trương Bảo Sơn (sau Chủ Nhiệm Tạp chí Tân Phong), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Quyết,...nhứt là các thanh niên trong tuổi lính. Họ về Thánh Địa núp dưới bóng Đạo Kỳ kéo theo sự di cư của gia đình về Tòa Thánh.

Vì đó, số tín đồ tăng lên đột ngột. Thống kê của Lai Viện Năm 1953 có 1.500.000 Tín đồ (không kể các Chi phái). Đến Năm 1954 tăng lên 2.500.000. Đó là những người Đạo trên 18 tuổi phải nhập môn lập thệ, có “Sớ Cầu Đạo” hấn hoi, chưa kể vị thành niên. Nếu tính bình quân mỗi gia đình có năm người thôi, trừ cha và mẹ đã nhập môn, còn lại 3. Vậy số dân Đạo lúc đó là: $(2,500.000 \times 3) / 2 = 3.750.000$ người chia hai là tính cha mẹ trong một gia đình.

Đền Thánh, bất cứ thời nào, nhứt là thời Tý chập ních người, phải ngồi cả ngoài sân để cúng và nghe Đức Hộ Pháp thuyết Đạo. Các Túc Ký viên đã ghi chép và sưu tập thành bộ năm quyển “Lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp”, dày trên một ngàn trang đã in cho cả năm quyển. Quý nhứt là quyển “Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bí Pháp”. Đó là quyển Bí Pháp của Đạo.

Với trên ba triệu bảy trăm năm chục ngàn giáo dân là cái gai nhọn chĩa vào mắt Ngô Đình Diệm, người có tham vọng làm Tổng Thống sau này.

Chương này nổi bật nhất là việc Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh. Một cuộc Lễ long trọng vô tiền khoáng hậu vẻ vang và hoành tráng nhứt trong lịch sử Đạo Cao Đài kéo dài hơn 10 ngày. Đức Phạm Hộ Pháp gọi đây là ngày “Đạo Cao Đài ra mặt Quốc Tế” vì trong ngày Khai mạc Lễ có đủ Ngoại giao đoàn các nước và đồng chủ tọa với Đức Phạm Hộ Pháp là Thủ Tướng Chính Phủ Miền Nam Việt Nam đương thời Ngô Đình Diệm.

Tưởng nên nhắc lại một chút quá trình xây cất Đền Thánh:

Tháng 3.1927, Hội Thánh phải dời Thánh Tượng, cốt Phật Tổ từ chùa Từ Lâm (tức chùa Gò Kén) về làng Long Thành. Để có nơi thờ tự, Đức Cao Thượng Phẩm cất Thánh Thất tạm bằng cây và tranh. Đến cuối năm 1933, Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ) khởi công xây cất bằng bê tông cốt sắt. Công trình của ông còn lưu lại là chùa Cực Lạc Cảnh. Sau đó ông Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh mượn Kỹ sư Phan Hiếu Kinh lãnh làm lầu Hiệp Thiên Đài rồi cũng dở dang.

Trước tình hình bế tắc đó, cuối năm 1936, Đức Phạm Hộ Pháp bắt tay vào việc với khẩu hiệu “Bất gió nấn hình”. (tay không làm nên hình Thánh Thất).

Đức Ngài kêu gọi Phạm Môn phát hồng thệ và thủ trình chấp hành sự chỉ dẫn xây cất của Ngài. Không Kiến Trúc sư, không thợ lành nghề, làm tới đâu hỏi các Đấng chỉ tới đó. Trước, Đức Lý dạy xây lầu Hiệp Thiên Đài cao 36 mét, khi xây dựng xong chỉ có 27 mét là vì phải tiết giảm cho nền móng chỉ chịu nổi sức nặng cao ngần ấy thôi. Chiều dài, chiều ngang cũng tiết giảm, sau khi xây xong



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

đo đạc mới thấy điều đó. Xây dựng tô vẽ, đắp tượng chỉ có mình Đức Ngài chỉ dẫn, có ai hỏi thì Đức Ngài bảo “các Đấng dạy”, mà không nhận sự tài giỏi của mình.

Ta tự hỏi: tại sao các vị trước đây nhiệt tình như Đức Cao Thượng Phẩm; lăm tiền nhiều của như ông Huyện Thơ; đầy đủ học vấn như kỹ sư Kinh lại xây không thành? Chỉ có Đức Phạm Hộ Pháp “bất giác nắn hình” xây nên một Đền Thánh độc đáo với hình “Long Mã bá sứ”.

Bao nhiêu đó cũng đủ xứng đáng tôn vinh Đức Ngài lên ngai Hộ Pháp mà không có ai dám mạo xưng hay tiến vị Hộ Pháp của Đức Ngài. Khác hơn ngôi Giáo Tông, lăm người ham muốn, khiến cho nhà Đạo chia chi rẽ phái.

Đi xa trở về, mỗi lần nhìn lại Tòa Thánh bạn nghĩ gì? Thấy gì? và định làm gì để không hổ thẹn với người xưa?



TRIỀU THIÊN TRÊN XỨ CHÙA THÁP

Biết mình sắp qui Thiên, tuy đang nằm Bệnh viện Calmette, Đức Ngài gọi các Chức sắc dẫn từng người, từng trách nhiệm riêng rẽ. Đức Ngài dạy lập Bản Di Ngôn và gửi lên Quốc Trưởng Norodom Sihanouk theo hệ thống Hành Chánh.

Dù vậy, Đức Ngài vẫn gọi Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh, Khâm Trấn Đạo Tàn Quốc, dạy rằng: “Ngày thứ bảy là ngày Hoàng Thượng Norodom Suramarit tiếp kiến thần dân Cao Miên theo lệ thường. Vậy hiền đệ và Giáo Hữu Thái Đồng Thanh hãy vào Hoàng Cung bái kiến Hoàng Thượng dâng Bức Di Ngôn của Bản Đạo”.

Khi Hoàng Thượng Suramarit đến sân chầu, thấy trong đám quần thần có hai vị Chức sắc của Cao Đài mặc sắc phục trắng, Hoàng Thượng liền đến gặp hai vị Chức sắc nhận Bức Di Ngôn và nói:

“Về thưa lại với Đức Hộ Pháp, Hoàng Thượng đã nhận Bức Di Ngôn và chấp thuận những lời yêu cầu”.

Nhị vị Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh và Giáo Hữu Thái Đồng Thanh bái lễ Hoàng Thượng Suramarit rồi về thẳng bệnh viện Calmette trình lên Đức Hộ Pháp tường tri.

Nguyên văn Bức Di Ngôn viết bằng tiếng Pháp được dịch lại như sau:

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

Bê Trên Đạo Cao Đài

Kính gửi: Hoàng Thân Norodom Sihanouk

SAMDACH UPAYUVAREACH

Thưa Điện Hạ,



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Bần Đạo gửi những dòng chữ này đến Điện Hạ trên giường bệnh của Bần Đạo (Bệnh viện Calmette), sức khỏe của Bần Đạo nghĩ không còn sống được bao lâu nữa.

Vậy Bần Đạo gửi lần cuối cùng đến Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên, tất cả lời cảm tạ chân thành về sự đối đãi rộng rãi của Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia dành cho Bần Đạo với đoàn tùy tùng và cho cả Tín đồ của Bần Đạo.

Bần Đạo thành tâm cầu nguyện Thượng Đế Cao Đài và Phật Tổ ban hồng ân che chở Vương Quốc Cao Miên và cho Điện Hạ để chóng thực hiện và thành công về vang Chánh Sách Hòa Bình Trung Lập và Chung Sống Hòa Bình, là chánh sách đặc biệt ưu ái của Bần Đạo, vì nó Bần Đạo chịu hao mòn sức khỏe của cả cuộc đời mà Bần Đạo không thể thực hiện được.

Bần Đạo thành tâm ước mong rằng: Tổ quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt Nam có thể đeo đuổi theo chánh sách ấy trong một ngày gần đây, tay bắt tay đi với nước Cao Miên trong đường lối Thương Yêu và hòa hợp giữa các sắc dân và nhất là giữa hai dân tộc Việt Miên.

Bần Đạo sẽ hoàn toàn sung sướng được yết kiến lần cuối cùng với Điện Hạ để tỏ bày tất cả những lời cảm tạ của Bần Đạo. Không biết sức khỏe Bần Đạo còn chờ được hay không ngày về của Điện Hạ.

Dẫu sao tình thân hữu thâm niên của chúng ta, nhưn danh tình thương yêu và tình huynh đệ giữa hai dân tộc Cao Miên và Việt Nam, nhất là nhân danh tương lai bất khả phân ly của hai nước chúng ta: Cao Miên và Việt Nam.

Bần Đạo cung kính xin Điện Hạ như một ân huệ đặc biệt và cuối cùng cho Thánh Thất chúng tôi khỏi chịu dưới lệnh phá hủy, để giữ kỷ niệm độc nhất của Bần Đạo trên đất Miên.

Để giúp Điện Hạ có một ý niệm đúng đắn về tình hình, Bần Đạo trân trọng gửi đến Điện Hạ một bản sao thơ khẩn cầu của Bần Đạo vừa chuyển đến Hoàng Thượng.

Bần Đạo giải thoát kiếp sống nơi đây. Bần Đạo xin thỉnh cầu Điện Hạ cho phép Bần Đạo tạm gửi thi hài ở nơi đất Miên, dưới sự bảo vệ tối cao của Hoàng Gia Cao Miên. Ngày nào Tổ quốc thân yêu của Bần Đạo là nước Việt Nam đã thống nhất sẽ theo Chánh Sách Hòa Bình Trung lập, mục phiêu đời sống của Bần Đạo, Tín đồ của Bần Đạo sẽ di thi hài về Tòa Thánh Tây Ninh.

Bần Đạo khẩn cầu Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia sau khi Bần Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và cả thiện nam tín nữ của Bần Đạo sự khoan đãi rộng rãi và các sự dễ dãi như trước để tu hành theo tôn giáo.

Biết rằng Điện Hạ sẽ chiếu cố đến đơn thỉnh cầu này, Bần Đạo sẽ thanh thản nhắm mắt đem theo cái kỷ niệm dịu dàng nhất trong đời của Bần Đạo.

Cung kính xin Điện Hạ chấp thuận lòng tri ơn vĩnh viễn của Bần Đạo.

Nam Vang, Ngày 14 Tháng 5 Năm 1959

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Mỗi ngày thấy sức khỏe mình càng yếu, Đức Ngài nói với một ít Tông đồ: “Bản Đạo đã lớn tuổi, không thể lột da để sống đời đặng! Tương lai của Đạo đều do ở các con, là đoàn hậu tấn nối tiếp. Bản Đạo chỉ là người tiền phong khai sáng mỗi Đạo. Đó là bước đầu hy sinh lột đường mà thôi. Mỗi Đạo sau này thuộc về quyền của đoàn hậu tấn tô điểm cho thiên hạ. Sứ mạng của đoàn hậu tấn là vậy”. Hai việc lớn ảnh hưởng đến sức khỏe Đức Ngài là:

1.- Việc xây Thánh Thất bị chính Thái Tử Norodom Sihanouk ngăn chặn vì Ngô Trọng Hiếu, Đại diện Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam bên cạnh Chánh Phủ Cao Miên, sau khi thương thảo sự trở về của Đức Hộ Pháp không thành, họ cho rằng việc xây Đền Thờ chỉ là bình phong che đậy âm mưu giục loạn ở Cao Miên. Để giữ tình giao hảo với Chánh Phủ miền Nam, Norodom Sihanouk ra lệnh trục xuất tất cả các công thợ về miền Nam. Những người này về nước đều bị cảnh sát Ngô Đình Diệm bỏ tù.

2. Thêm vào đó phong trào Hòa Bình Chung Sống bị đàn áp và bị bắt giam vô số kẻ. Mặc dầu Đức Ngài có lập danh sách những người bị bắt gởi qua Hội Nhân Quyền và Liên Hiệp Quốc mà không thấy kết quả gì.

Trong tình thế ấy, Ông Hồ Bảo Đạo được lệnh xin một lá xăm như vậy:

Bao năm chìm đắm biển công danh,
Chí muốn bay cao dạ chẳng thành.
Đêm thấy Thần Nơon về báo mộng,
Ban lời Ngọc chỉ của Thiên Đình.

Thật vậy, một sáng vào Tháng 8 Năm Bính Thân (1956), Đức Hộ Pháp gọi ông Hồ Bảo Đạo cho biết Ngài đã thấy chữ APOTHÉOSE (hiển Thánh) trong đêm rồi.

Chữ này có hai nghĩa:

1. Vua Chúa, Đại Thần chết được đăng Tiên.
2. Thành công rực rỡ theo chí hướng của mình.

Điều này phù hợp với lá xăm và cuộc đời hoạt động Đạo đời không ngừng nghỉ của Đức Ngài. Bây giờ, Đức Ngài được Ngọc Chỉ APOTHÉOSE về châu Thượng Đế.

Một sáng, Đức Ngài thức dậy định bước xuống giường mà lực bất tòng tâm, choáng váng ngã ngửa lên giường, nửa trên, nửa dưới. Đồng Đạo lo thuốc thang chạy chữa cho Đức Ngài khỏe lại. Ngày 20 Tháng 2 Năm Đinh Dậu (27.03.1957), Đức Cao Thượng Phẩm về Cơ khuyến Ngài đi bệnh viện vì lúc ấy Đức Ngài đi đứng đã khó khăn lắm.

Đến đầu Tháng Tư Năm Kỷ Hợi (1959), viên Cò cảnh sát Cao Miên thay vì báo tin cho Khâm Trấn Đạo Kiên Biên, lại đem giấy báo triệt hạ Đền Thờ mới xây vào thẳng bệnh viện Générale, gần Chợ Mới cho Đức Ngài. Tin sét đánh đã góp phần cho sự khổ tâm cùng cực của Đức Ngài.

Đức Ngài đòi về Báo Ân Đường, nhưng đồng Đạo và cô Ba, cô Tư nhất trí đưa thẳng Đức Ngài đến bệnh viện Calmette, bệnh viện lớn nhất của Pháp tại Nam Vang. Nộp tiền phòng 10 ngày, nhưng mới 8



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

ngày Đức Hộ Pháp đã qui Thiên sau một cơn mệt vào khoảng 12 giờ ngày Chủ Nhật, nhằm lễ Ascension, 17.05.1959 (Mồng 10.04 Kỷ Hợi), thọ 70 tuổi.

Thánh Thể được đưa về Thánh Thất Toul-Sway-Prey

Đêm đó, Ngài Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Bùi Quang Cao phò loan, lúc thi thể chưa liệm, Đức Ngài cho bài thi:

Ba năm xa cách để chờ may,
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.
Chí muốn cao bay trong một kiếp,
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.
Đã đành cam phận còn xa thẳm,
Nhưng đáng mà râu chằng mảy may.
Một kiếp vì đời, tua gắng trả,
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.

Đêm 13.04 Kỷ Hợi, Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Bùi Quang Cao lại phò loan, Đức Ngài cho bài thi khác:
Trót đã ba năm ở xứ người,

Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chỏi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm Chơn pháp,
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời

Sĩ Tải Bùi Quang Cao cho tôi biết, tuy cầu hai lần mà Đức Phạm Hộ Pháp không vui lòng nên dạy:
“Bảo Đạo yếu Thần, tạm dùng bài này, sau sẽ chọn bài khác thay”.

Sự trở về của Đức Ngài không bình lặng như của nhơn sanh, mà sự trở về của Đức Ngài là một biến cố lớn cho toàn nhơn loại, vị Giáo Chủ Hoàn Cầu của Đạo Cao Đài (The World Leader of Caodaism) như tuần báo Le Lien des Cercles d'Études gọi danh.

Đức Ngài hiện xuống vào Tết Đoan Ngọ, giữa khổ đau nhục nhằn của dân tộc dưới hai tầng áp bức Phong Kiến và Thực dân. Đức Ngài san sẻ niềm đau đó bằng cách mang đến cho niềm tin vào Đấng Trọn Lành. Đấng ấy sẽ giúp nước họ được tự do dân chủ, thoát vòng nô lệ.

Đức Ngài kêu gọi Tình Thương và Công Lý, mong hai điều này bao phủ toàn thể thế giới. Nhưng khốn thay, chính bọn lừa Thầy phản bạn, vì chút lợi danh dẫm đạp lên tình thương cao cả của Đức Ngài.

Đức Ngài Từ Bi tha thứ cho kẻ đại hối lỗi ăn năn. Ngài tự lưu đày bên xứ Chùa Tháp mà không lúc nào không hướng về Thánh Địa, nơi còn nhiều nặng nề trong bể khổ cường quyền, gia đình trị đàn áp.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Đức Ngài trở về với Cha Lành trong bao tham lam tội lỗi của bọn lừa Thầy phản bạn. Đức Ngài hiện xuống và trở về đều vì nhơn loại và chúng sanh được hằng sống.

Hiện xuống từ mùa Hạ,
Trở về từ mùa Hạ.
Thế giới mộng ứng linh,
Ngài ban tình thương cao cả!

Thể theo Thánh ý của Đức Hộ Pháp, đồng thời tránh sự trích điểm của các nhà thơ, nhà tư tưởng, chúng tôi mạo muội đan cử bài “Tân niên khai bút” của Đức Ngài viết vào Ngày Mừng 4 Tháng Giêng Năm Bính Thân (1956), tức trước khi Đức Ngài lưu vong không bao lâu.

Bài này không những tóm tắt chân dung về đời, Đạo của Đức Ngài mà còn thể hiện văn phong của Đức Ngài nữa:

Tân Niên Khai Bút

Vẫn gánh non sông đến tuổi già,
Đòn tâm làm mạnh thế tài ba.
Đôi phen kiên nhẫn dịu Hồn nước,
Lắm lúc truân chuyên giữ Đạo nhà.
Tính đức cổ truyền trừ giặc loạn,
Nghĩa nhân pháp bửu dẹp can qua.
Hồng ân đã sẵn làm thao lược,
Ích quốc an dân dụng chữ Hòa!

Được tin Đức Hộ Pháp triều Thiên, toàn Đạo trong nước vô cùng thương tiếc. Từ miền Trung đến Lục Tỉnh kéo về Tòa Thánh làm lễ truy điệu Đức Hộ Pháp.

Mật vụ của Ngô Đình Diệm hay tin đến giải tán. Tấm lòng của người Đạo đối với Đức Ngài quá to lớn, nên họ phân tán từng nhóm nhỏ vượt biên giới sang Nam Vang. Những tổ chức trong nước cũng phân tán mỏng như Hòa Bình Chung Sống, Thánh Xa Thơ, Phạm Môn, Phạm Nghiệp..

Mỗi nhóm đều tổ chức tưởng niệm Đức Ngài trong nội bộ của mình để che mắt Mật vụ và Cần lao Nhân vị.

Tại Nam Vang, năm mươi ngàn Tín hữu Cao Đài khắp nơi lũ lượt đưa nhau về Thủ đô Phnom Penh thọ tang suốt mười ngày đêm túc trực bên Liên Đài của Đức Ngài. Đại diện các Tôn giáo trong nước Cam Bốt từ các Tỉnh xa như Xiêm Rệp, Battambang, Kratié, Kompong Cham, Kompong Speu, Kompong Xom, Sway Riêng, Mimot đều đến chia buồn phúng điếu với Hội Thánh Ngoại Giáo.

Một số lớn Ngoại giao đoàn tại Thủ đô Phnom Penh cũng đến đặt vòng hoa. Thủ Tướng Pen Nouth Đại Diện Chính phủ Hoàng Gia Cao Miên đến chiêm ngưỡng và đặt vòng hoa trước Liên Đài.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Khi Quốc Trưởng Norodom Sihanouk công du hải ngoại trở về, trong buổi họp báo Norodom Sihanouk nói: “Khi trở về nước, rất tiếc tôi không được hội kiến với Đức Hộ Pháp lần cuối. Tôi hoàn toàn chấp nhận những lời đề nghị của Đức Hộ Pháp”.

Phái đoàn Phật Giáo, Đại diện Vua Sãi đến trì Kinh và tiễn đưa Liên Đài của Đức Hộ Pháp đến Bửu Tháp.

Tại miền Bắc Việt Nam, nữ Giáo Sư Hương Dư, Đại diện Hội Thánh Cao Đài toàn miền Bắc thiết Lễ Truy Diệu rất trọng thể tại Thánh Thất Thăng Long. Trong khi ở miền Nam, Mật vụ Ngô Đình Diệm ngăn chặn bất cứ cuộc Lễ tưởng niệm nào.

Ít hôm sau, Đức Ngài dùng huyền diệu ứng linh cho nữ Đồng tử Sarah Barthel tại Paris. Đến đầu Tháng 6 Năm 1959, tuần báo Le Lien des Cercles d'Etudes của Hội Nghiên Cứu Thần Linh Học bên Pháp có đăng tin nữ Đồng tử Sarah Barthel tiếp nhận những tin từ cõi vô hình do Giáo Chủ Cao Đài Phạm Công Tắc khả ngộ.

Sau khi đọc tin trên báo Le Lien, Hội Thánh Ngoại Giáo có viết bài trả lời trên báo, bày tỏ quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp, về Liên Đài, về cách liệm ngôi và Bức Di Ngôn của Đức Ngài gửi cho Sihanouk. Sau đó, các báo ngoại quốc tiếp tục nghiên cứu về huyền diệu linh ứng của Đức Ngài.

Theo thư của ông Olion và Thánh Giáo tiếp được, Bà Sarah Barthel cho biết ngày rước chư Thánh có đủ các Phật, Tiên, Thánh ngự, trong đó có ông mặc đồ đẹp, sắc phục có khôi giáp về đồng ngự. Chư Phật, Thánh, Tiên đến chực đón mừng Chơn linh ấy. Chơn linh ấy là Đức Hộ Pháp ở xứ Việt Nam tên là Phạm Công Tắc. Sau khi hồn xuất ngoại thể xác, Ngài ngồi trong cái hòm tám góc, giữa hai bàn tay ban Phép Lành cho các sắc dân vàng, xanh, đỏ, trắng. Mỗi sắc dân đều linh hiển khác nhau. Các Tín đồ của vị Phật ấy toàn các sắc dân ấy, đều hưởng được diệu pháp của vị Phật Hộ Pháp.

Theo thư của ông Placren và Thánh Giáo của Bà Sarah Barthel đã đăng trên tuần báo Le Lien Số 5 Tháng 7 và 8 Năm 1959, thì có nhiều người phỏng vấn Đức Hộ Pháp giữa không trung. Ngài đã dùng huyền diệu thuyết giảng Đạo đức uyên thâm để giác ngộ nước Việt Nam phải biết tôn trọng Đấng Thượng Đế và Ngài cho biết Ngài còn phải trở lại một lần nữa, chưa hề định đến nơi nào để kịp kỳ Chuyển thế tạo dựng hoàn cầu.

Trên đây là cơ quan đồng tử nước ngoài, các báo nước ngoài xác nhận ông Phạm Công Tắc là một vị Phật Hộ Pháp ở thượng giới chớ không riêng gì các Tín đồ người Việt Nam của Đức Ngài đã từng sùng kính suy tôn vị Giáo Chủ của mình như vậy. Những ai chưa có Đức Tin vô đối về vị lãnh đạo tinh thần của Đạo Cao Đài, nên đọc kỹ lại các bài của nữ đồng tử Sarah Barthel trên báo “Le Lien des Cercles d'Etudes”.

Tóm lại, không Tín hữu Cao Đài nào phủ nhận công đức của Đức Ngài. Đức Ngài là một vị Phật, không phải từ chữ Giáo Chủ mà cốt ở cái đức độ, tài năng của Đức Ngài khiến cho bất cứ ai, dù không sống trong 18 Phận Đạo vùng Thánh Địa cũng kính phục phẩm giá cao quý đó.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Thế nên người đời dù có tán dương hay “bốc thơm” thêm bớt một điều gì về sự nghiệp của Đức Ngài đã làm trong khi còn hóa dân ở trần thế thì cái Đức của Ngài không vì thế mà nhòe đi hay thẳm trầm được.

Hoài Niệm Tôn Sư

Giáng sanh trùng ngũ hạnh thanh tao,
Sư Phụ độ đời đạt vị cao.
Ngự Mã Thiên Quân danh Hộ Pháp,
Tây Sơn Đạo giả bậc thi hào.
Linh Tiêu Chánh Pháp nâng gương huệ,
Trần thế Nghĩa Nhân tỏa ánh sao.
Đắc Đạo Thầy về Kinh Bạch Ngọc,
Ngàn thu thương tiếc lệ dâng trào.

VÂN ĐĂNG

Xin xem tiếp trong Tài Liệu Tham Khảo

<https://www.caodai.international/wp-content/uploads/2017/10/chandunghophap.pdf>



CHƯƠNG III

NGHỊ LUẬN ĐẠO - CÙNG NHAU HỌC ĐẠO



III.1

Ý NGHĨA TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ



Ý NGHĨA TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

I ĐẶC ĐIỂM ĐĐTKPĐ (Caodaism Characteristics)

- ❖ Năm 1926 Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút giảng trần tại Miền Nam Việt Nam khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (gọi tắt là Đạo Cao Đài) tại Tòa Thánh Tây Ninh và chính mình Ngài làm Giáo Chủ, không phái sứ giả xuống trần mở Đạo như ở nhứt và nhị kỳ. Giáo chủ Đại Đạo kỳ ba là Thượng Đế vô hình (không mang hình dáng của một sắc dân nào) dùng thiên điển giảng trần dẫn dắt toàn thể con cái của Ngài. Cũng có thể nói đây là KỲ ĐẠI ÂN XÁ, Thượng Đế hạ mình xuống thấp thực hiện cơ HIỆP THIÊN hay QUI NGUYÊN tận độ sanh linh, khai TÂM nhân loại dẫn dắt họ quay về cội nguồn CHÂN LÝ.
- ❖ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ là một nền Tân Tôn Giáo xuất hiện vào thời kỳ Hạ nguơn, càn khôn đang vận chuyển Cơ QUI NGUYÊN tức nhằm vào chu kỳ “Vạn thù qui nhất bản” của Đại Vũ Trụ, mở cơ phổ độ toàn thể chúng sanh vô vi, hữu hình (kể cả Bát Hồn từ kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhân loại, đến Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn) mục đích tái lập Đời Thượng Nguơn Thánh Đức, xây dựng Thế Giới Đại Đồng, lấy NHÂN NGHĨA làm nền tảng, QUI NHẤT ÂM DƯƠNG, VÔ HỮU, THIÊN NHÂN, ĐỜI ĐẠO, nói rõ hơn ĐẠI ĐẠO xuất hiện vào thời kỳ càn khôn chuyển cơ THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT (Hiệp Thiên Thượng – Thiên Hạ) đáp ứng về cả hai mặt TÂM LINH và NHÂN SINH, dẫn dắt nhân loại vào thiên đàng HẠNH PHÚC DÂN CHỦ TỰ DO thật sự.

*Pháp diệu Hiệp Thiên đã vận hành
Cao Đài sứ mạng dắt nhân sanh
Qui nguyên VÔ HỮU Trung Hòa Lý
Phục nhất nhân loài hiệp Chí Linh
Khai lối Đại Đồng xây Thánh Đức
Lập Tân Dân Chủ mở Tâm Kinh
Nhành dương chan rưới Cam Lô Thủy
Thế giới hoan ca cảnh Thái Bình.*

Ngọc Nương

- ❖ Một Tôn giáo còn non trẻ so với các Tôn giáo khác nhưng tư tưởng bao trùm trong tinh thần HÒA ĐỒNG QUY NGUYÊN PHỤC NHẤT TAM GIÁO, NGŨ CHI đưa con người từ Tôn Giáo vượt lên tầm vóc Đại Đạo, phá chấp về hình danh sắc tướng, xóa tan mọi ranh giới phân chia thực hiện Cơ QUI HÒA.
- ❖ Đại Đạo (Great way) là THIÊN ĐẠO (Heaven's way) bao gồm tinh thần Nhân đạo, Thần đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo. Tinh thần này được biểu hiện rõ nét qua Thánh Tượng Ngũ Chi soi sáng lý đồng nguyên của vạn giáo, đặc biệt thể hiện sự HÒA ĐỒNG TAM GIÁO Nho, Đạo, Thích (combination of the three main religions, Confucianism, Taoism, and Buddhism) cũng là biểu hiện sự hòa hợp của tinh, khí, thần trong tiểu vũ trụ. THIÊN ĐẠO LÀ CHÂN LÝ TOÀN DIỆN gồm cả hai mặt



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

ÂM-DƯƠNG, VÔ-HỮU, trung hòa giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên nên quan điểm Đại Đạo không duy Tâm hay duy Vật, không thiên VÔ hay thiên HỮU mà phải Vô Hữu song hành thực hiện Trung Dung Đạo.

Thiên Hữu, Thiên Vô đồng thiếu sót

Hữu Vô hòa một chẳng đơn côi

Diệt sinh sinh diệt cơ Vô Hữu

Không sắc sắc không diệu tuyệt vời.

Ngọc Nương

Thật là lý diệu tuyệt vời của cơ Vô Hữu, Đạo Cao Đài nhập thế hành đạo lại chủ về Bí Pháp vô vi, dụng Tâm Pháp làm tư năng dẫn dắt nhân loại.

- ❖ Kỳ mở Đạo lần này Thượng Đế chẳng những giáng trần còn mở rộng cửa Bạch Ngọc Kinh cho nhân sanh được đến gần tìm hiểu Bí Pháp qua kiến trúc Tòa Thánh (do Thiêng Liêng chỉ dẫn) gọi là Bạch Ngọc Kinh tại thế tiềm ẩn huyền vi của Đại Vũ Trụ. Khi tâm linh được khai mở con người có thể từ từ cảm nhận được những Ý PHÁP đó, quán triệt càn khôn.

Bí nhiệm đất trời lồng bóng vẽ

Tinh hoa dân tộc đậm màu son

Quốc Thế (trong bài Tòa Thánh cảm tác)

Bạch Ngọc Kinh tại thế đối với con người là TÂM (cửa Hiệp Thiên trong tiểu Vũ Trụ). Thời kỳ này “SƯ HƯ VÔ, ĐẠO HƯ VÔ” nên TÂM PHÁP là phương chính yếu của Đại Đạo, là HIỆP THIÊN PHÁP vi diệu, phối hợp thiên nhân (tức nối mạch điện âm dương) tạo làn sóng từ trường ban rải điển lành, tận độ cả Bát Hồn (vật chất, cây cỏ, thú cầm...) và toàn sắc dân trên thế giới không qua hình thức văn tự, ngôn ngữ mà mẫu nhiệm vô cùng. TÂM PHÁP cũng gọi là TỊNH BÌNH BỬU PHÁP chan rưới giọt nước lành dương KHAI TÂM nhân loại, hướng đào tạo con người có tâm giải thoát, nhập thế hành đạo. Đại Đạo biểu hiện độc đáo sự hài hòa hiệp nhất giữa hai mặt Âm Dương, Vô Hữu, Đới Đạo, Thanh Trược ví như cánh sen trong bùn, đóa sen rực rỡ thanh cao tự mình vượt thoát khỏi bùn nhơ nhưng sự tồn tại phát triển của nó vẫn phải tựa vào bùn nhơ, biểu hiện độc đáo sự hài hòa hiệp nhất giữa hai mặt Âm Dương, Hư Thực qua những biểu tượng Rồng Tiên, Thất Thánh, Bát Tiên .v.v., biểu hiện chân lý “Nhược Thiệt, Nhược Hư, Thị Không, Thị Sắc” huyền nhiệm diệu kỳ.

Thực Hư Thực khó lường đo
Mẫu Thuần Trời xanh khéo diễn trò
Trong Thực có Hư sinh biến hóa
Trong Hư có Thực mấy ai ngờ.
Cuộc đời ảo mộng xem như thực
Cõi sống miên trường thấy tựa hư
Nhược thiệt nhược hư vi diệu lý
Nặng lòng phân biệt rồi đường tu.

Thế & Nương



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

- ❖ Hai chữ Đại Đạo không thể hiểu về mặt hình thức, mà về tinh thần là Tôn Giáo vũ Trụ dụng huyền linh Bí Pháp Thiên Nhân Hiệp Nhất khai mở MỐI ĐỒNG MẠCH cả vạn linh hằng hữu trong Đại vũ trụ, là Tôn Giáo Đại Đồng, biểu hiện tư tưởng triết lý HÒA ĐỒNG dung hòa khối ĐỨC TIN của loài người đưa nhân loại trở về GỐC ĐẠO tức QUY NGUYÊN. Theo quan điểm của Đại Đạo, mỗi Tôn Giáo là một mặt của hạt kim cương CHÂN LÝ, một nhánh trong nhiều nhánh của GỐC ĐẠO mà gốc của Đạo là TÂM nên cũng có thể nói Tôn Chỉ của Đại Đạo là QUY TÂM, hoặc Đại Đạo là Tâm Đạo.

Đại Đạo cũng được gọi là Quốc Đạo, có thể hiểu theo hai ý nghĩa:

- ❖ Quốc Đạo hiểu theo nghĩa Đạo Pháp là Đời Đạo tương đắc, Âm Dương hiệp nhất tức Quốc và Đạo là một. Quốc Đạo thể hiện ĐẠO TRONG ĐỜI, ĐỜI TRONG ĐẠO. Đó là mục tiêu của Đại Đạo hướng thực hiện trên khắp hoàn cầu thế giới “ Đạo Đời tương đắc mới mong tạo thời cải thế.” Điều này có nghĩa Đạo Đức sẽ ngự trị trong mọi lãnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, nghệ thuật.v.v, mà điều căn bản trước tiên là ngự trong TÂM của mỗi người.
- ❖ Quốc Đạo cũng là nền tôn giáo duy nhất có nguồn gốc phát xuất tại Việt Nam, chính là Đạo nhà cũng gọi là Đạo của Nước hay ĐẠO TỔ TIÊN, dựa trên căn bản dịch lý khoa học, thể hiện tinh thần đạo đức NHÂN NGHĨA truyền thống của Dân Tộc. Tinh thần đó phát nguồn từ TÌNH THƯƠNG ruột thịt, “CỘNG YÊU HÒA ÁI” được biểu hiện qua Huyền sử dân tộc Việt là dòng giống Rồng Tiên con Hồng cháu Lạc cùng chung trong một bọc trăm trứng nở ra trăm con, 50 theo mẹ lên non, 50 theo cha xuống biển. Ý nghĩa của Huyền Sử thể hiện tư tưởng “Đại Đồng Huynh Đệ” có cùng một nguồn gốc phát xuất từ đời “Hồng Bàng” tượng trưng cho Hồng Quân Lão Tổ hay Thượng Đế. “Một bọc” tượng trưng cho THÁI CỰC. “Rồng Tiên” tượng trưng cho ÂM DƯƠNG. Số “một trăm” là tổng cộng các con số Tiên Thiên và Hậu Thiên (trong Hà Đồ, Lạc Thư). Những ý niệm này cho thấy sự am tường của Tổ Tiên về CHÂN LÝ và DỊCH LÝ, và cũng là nền tảng xây dựng tư tưởng “BÁC ÁI CÔNG BÌNH”, là chơn truyền của Đại Đạo, lòng bác ái không phải chỉ áp dụng riêng đối với nhân loại mà đối với toàn thể chúng sanh vạn loại vì tất cả đều do Thái Cực hay Thượng Đế sinh ra.

*Dịch lý Càn Khôn đã rõ bày
Phát nguồn thái cực ví bào thai
Việt Nam huyền sử tường chân lý
Cội rễ tinh thần lý đạo khai
Quốc Đạo tượng trưng hồn Việt tộc
Thương yêu hình bóng Đấng Cao Đài
Tổ tiên sáng suốt nêu sâu lý
Ước vọng cháu con hiệp vạn loài.*

Ngọc Nương

- ❖ Từ nhân sinh quan đó, mục đích của Đại Đạo Kỳ Ba dụng TÂM PHÁP thực hiện song hành về cả hai mặt Thiên Đạo (Esoterism) và Thế Đạo (Exoterism).



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

- ❖ Về mặt Thiên Đạo cứu rỗi linh hồn con người được giải thoát, tự mình vươn lên làm chủ lấy mình, hoàn toàn tự do, tự giác phụng sự cho cơ tiến hóa thoát khỏi sự chi phối của dục vọng thất tình trong nội tâm và thử thách của ngoại cảnh.
- ❖ Về mặt Thế Đạo hướng đến xây dựng một xã hội toàn cầu (cosmopolitan society) hòa bình, an lạc trong tương lai. Hình ảnh “Đại Đồng Xã” trước Tòa Thánh cũng là một dấu chỉ nói lên mục đích này.
- ❖ Hiểu sâu sắc tôn chỉ mục đích và triết lý của nền Đại Đạo người tín hữu Cao Đài xác tín vào tương lai qua lời tiên tri của Thượng Đế “*Nước Việt Nam nhỏ nhen trong vạn quốc sau làm chủ mới là kỳ*”. Làm chủ đây phải hiểu về tinh thần, thể hiện qua tư tưởng bao trùm của Đại Đạo hay Thiên Đạo, tượng hình Thiên Nhân là Đấng Chí Tôn Thái Cực sinh hóa ra muôn loài vạn vật, là ánh sáng **LƯƠNG TÂM** ngự trị trong mỗi con người. Biểu tượng này cũng nói lên Tâm Pháp là chơn pháp của Đại Đạo, là chìa khóa khai mở **TÌNH THƯƠNG** dẫn dắt nhân loại đến Chân Thiện Mỹ.
- ❖ Cũng trong ý hướng này Ngài đã tiên tri “*Nam phong thử nhật biến nhân phong*”, trong tương lai phong hóa nhà Nam (theo nền văn minh tinh thần của Đại Đạo) sẽ là phong hóa của nhân loại. Nền phong hóa dựa trên căn bản **TÌNH THƯƠNG**, **HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG**, sanh linh bình đẳng, lấy **NHÂN NGHĨA** làm nền tảng.
- ❖ **THIÊN ĐẠO** nắm cả guồng máy **ÂM DƯƠNG**, chi phối cả càn khôn vũ trụ, vạn vật và con người. Vạn vật biến thiên vô cùng vô tận nên dù vật lớn như vũ trụ, vật nhỏ như tế bào nguyên tử đều hàm chứa hai nguyên lý **ÂM DƯƠNG**. Biết được chân tướng của cái **CỰC TIỂU** có thể biết được chân tướng của cái **CỰC ĐẠI**. Tự biết mình là biết cả vũ trụ. Cho nên **TÂM** của người là **TÂM** của Trời Đất. **LÝ** của mỗi vật là **LÝ** của vạn vật “**THẤY** là các con, các con là **THẤY**” chính là nền tảng triết lý của Đại Đạo.
- ❖ Thiên Đạo là Nguồn Sáng phát sinh ra tia sáng, nguồn sáng đó là Chân Lý và là căn bản chung cho các Tôn Giáo. Một chân trời sẽ hiện ra huy hoàng rực rỡ nếu chúng ta đến **tận nguồn của sự sống**, nếu chúng ta nhìn nhận tất cả các Tôn giáo lớn là những ngọn đuốc phát sinh ra từ một ngọn lửa thiêng và được chăm nom bởi một Đấng Chí Tôn duy nhất, nếu chúng ta ý thức rằng các giáo chủ là những sứ giả, những người con của Đấng Cha Lành phái đến trong các thế kỷ khác nhau để giáo hóa và phổ độ chúng sanh.

*Ngày nào nhân loại rõ cội nguồn
Cùng chung một “mạch” của Tình Thương
Cha Trời ban rải đều muôn vật
Ngày ấy nhân sanh thấy Hòa Đồng.
Ngọc Nương.*

- ❖ Đại Đạo thể hiện tinh thần **HÒA ĐỒNG**, không những **HÒA ĐỒNG TÔN GIÁO**, không phân biệt sắc tộc, mà chính yếu là **HÒA ĐỒNG** giữa **TRỜI** và **NGƯỜI**, giữa **NGƯỜI** và **VẠN VẬT** (tức khai **MỐI ĐỒNG MẠCH** trong vũ trụ), **MỞ RỘNG THẾ GIỚI TÌNH THƯƠNG** đến toàn chúng sanh vạn loại.



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Huyền pháp để thực hiện sự HÒA ĐỒNG vì diệu đó là TÂM PHÁP, được thể hiện qua biểu tượng THIÊN NHÃN: THIÊN NHÃN là TRỜI mà cũng là TÂM, TRỜI NGƯỜI hiệp nhất ở TÂM.

Nhãn thị chủ TÂM
Lưỡng quang Chủ tế
Quang thị Thân
Thần thị THIÊN
THIÊN giả NGÃ giả
(trích T.N.H.T)

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Thầy có nói “chưa phải hồi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng con mắt mà thờ Thầy”, có nghĩa phải đến một lúc nào đó, có thể khi được KHAI TÂM hoặc qua thời kỳ ĐẠO TÂM nhân loại mới ý thức được **CHƠN PHÁP** của **ĐẠI ĐẠO** qua biểu tượng đó. Thời kỳ ĐẠO TÂM là thời kỳ QUY NGUYÊN cũng gọi là QUY TÂM, đưa nhân loại quay về Gốc của Đạo phát huy tình thương rộng lớn xóa tan mọi biên cương quốc gia, chủng tộc, chính trị, tôn giáo... Gốc của Đạo là TÂM bác ái hay Chơn Tâm, là nguyên TÁNH hay điểm Linh Quang của Thượng Đế có làn sóng rung động cao độ hằng hữu trong cùng khắp vũ trụ, vạn vật và con người cũng là **điểm đồng mạch** của VẠN HỮU. Vì thế hành TÂM PHÁP là thực hiện mối tương giao thông đồng giữa con người với Đại vũ trụ tạo nguồn siêu năng lực vi diệu vô biên, phát ra từ trường thanh điển THIÊN NHÃN hay ÂM DƯƠNG hiệp nhất có tác dụng thanh hóa càn khôn vũ trụ, chuyển hóa con người và vạn vật. Trong bài thuyết đạo ngày 10 tháng 10 năm Đinh Hợi (1947) Đức Hộ Pháp cũng có nói đến hiệu quả nhiệm mầu của Vô Tự Tâm Kinh qua hiện tượng Chí Linh hiệp Vạn Linh tức qua hiện tượng HIỆP THIÊN (God communication).

Hiểu theo Pháp Chánh Truyền Đại Đạo:

Bí Pháp Hiệp Thiên là cửa Hiệp Thiên Đài diệu dụng rất hệ trọng của Thượng Đế trong lần mở Đạo kỳ ba.

HIỆP THIÊN là quay về gốc bản thiện tức quy nguyên, đối với con người là QUI TÂM, chính là nòng cốt của vạn pháp. Nói cách khác vạn pháp đều lấy QUI TÂM (quay về TÂM) hay HIỆP THIÊN (Hiệp nhất với Thượng Đế) làm căn bản.

Ý pháp này được thể hiện qua hai câu liễn trước Hiệp Thiên Đài
HIỆP nhập Cao Đài bá tánh thập phương quy chánh quả
THIÊN khai Huỳnh Đạo Ngũ Chi Tam giáo hội Long Hoa.

- ❖ Tóm lại, Đại Đạo Kỳ ba phổ độ chúng sanh qua Bí Pháp tức TÂM PHÁP hay tăng rung động điển quang siêu lực vô hình do sự hiệp thông giữa con người với Thượng Đế nơi TÂM, sẽ làm cho TÂM con người tự nhiên được phát sáng, hiểu biết chính xác CHÂN LÝ, có khả năng dẫn dắt họ trên đường tu tiến: do đó cũng có thể nói Đại Đạo phổ truyền TÂM kinh vô tự qua nguồn sóng điển quang. **Biểu tượng THIÊN NHÃN** cũng chính là **biểu thị của TÂM PHÁP** tức **HIỆP THIÊN PHÁP** hay **QUI TÂM**. Hiểu được điều này tự nhiên chúng ta thấy rõ con đường Thượng Đế dẫn dắt nhân loại là qua TÂM (cơ bút chỉ là phương tiện buổi đầu). Có CHƠN TÂM tức có THẦY dẫn dắt. Cũng có thể nói Thiên Nhãn là TÂM, Đại Đạo



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

chính là TÂM ĐẠO. Kinh sách hữu tự đã được phổ biến quá đầy đủ trong những thời kỳ trước đây, hiệu quả của nó có hạn. Giờ là thời kỳ của TÂM kinh vô tự kết quả vi diệu khôn lường. Thời kỳ Ánh Sáng Tâm Linh mẫu nhiệm của Điển quang biện chứng mở rộng chân trời, lý đương nhiên duy vật biện chứng phải bị “giải thể” nhường bước cho nguồn ánh sáng thiên lương tràn ngập.

Hiện tượng Thượng Đế giáng trần khai Đại Đạo tiêu biểu cho thời kỳ các Đấng Thiêng Liêng quán hạ tận độ sanh linh, Chí Linh đến hiệp Vạn Linh khai mở TÂM kinh_ giúp cho người TU TÂM tiếp nhận nguồn chân lý sáng suốt vô cùng, tu tiến rất nhanh và còn đóng góp vào cơ Qui Nguyên của Đại vũ trụ khai tâm chúng sanh giúp nhân loại giải thoát khỏi dục vọng hưởng đến xây dựng một thế giới an bình. Hiểu sâu sắc CHƠN PHÁP này ta mới thấy được tại sao TU TÂM hay TU THÂN là gốc đưa đến TẾ GIA, TRỊ QUỐC, BÌNH THIÊN HẠ. Do đặc điểm của thời kỳ THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT, con người chỉ cần hành sứ mạng VI NHÂN thực hiện viên mãn NHÂN ĐẠO ắt đắc THIÊN ĐẠO, nên thời kỳ này cũng gọi là thời kỳ “Nho Tông chuyển thế.”

II- KẾT LUẬN:

Cần Khôn đang chuyển pháp HIỆP THIÊN quy hiệp ÂM DƯƠNG hay THIÊN NHÂN tức HIỆP THIÊN THƯỢNG – THIÊN HẠ – tạo cơ QUI-HÒA xây đời THÁNH ĐỨC. ĐẠI ĐẠO KỶ BA xuất hiện để hoàn thành sứ mạng đó.

Thực hiện tôn chỉ mục đích của thời kỳ Thượng Đế khai Đại Đạo, mở cơ Đại Ân Xá:

“Đóng địa ngục mở tầng Thiên
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây Phương”
(Kinh Thiên Đạo)

Hay “Vô địa ngục vô quỷ quan
Chí Tôn ĐẠI XÁ nhứt trường Quy nguyên”
(Phật Mẫu Chơn Kinh)

Chính do thời kỳ Quy Nguyên mà con người được hưởng ĐẠI ÂN XÁ: Thượng Đế giáng trần để HÒA HIỆP với nhân sinh (từ năm 1917 Đức Mẹ Fatima cũng đã thông truyền với nhân loại sự kiện này). Điều này có nghĩa Thượng Đế luôn luôn kề cận và sẵn sàng bước vào TÂM LINH nhân loại. Điểm then chốt là mỗi con người có chịu mở cửa TÂM_ đón tiếp cùng HÒA HIỆP với Thượng Đế hay không. Đó chính là hành TÂM PHÁP, HIỆP THIÊN PHÁP hay Qui Tâm. Vạn giáo QUI TÂM là đi vào CON ĐƯỜNG ĐẠI ĐẠO như sông rạch quay về biển cả chẳng còn phân biệt nước sông hay nước rạch vì tất cả đã hòa thành một thứ nước biển duy nhất.

Tóm lại hiện tượng Thượng Đế giáng trần khai ĐẠI ĐẠO, chính mình Ngài làm Giáo Chủ và tự xưng là THẦY hàm ý nghĩa sâu sắc xác định thời kỳ này là thời kỳ “SỬ HƯ VÔ – ĐẠO HƯ VÔ”, ĐẠI ĐẠO là THIÊN ĐẠO vô cùng cũng là TÂM ĐẠO vô hình vô tướng, thời kỳ loài người được hưởng đặc ân TU TẮT không cần phải tìm kiếm Thượng Đế ở đâu xa chỉ cần quay về TÂM tiếp đón để được hiệp nhất cùng THẦY hay học trực tiếp với THẦY TRỜI nơi TÂM. Nói cách khác TÂM PHÁP hay Bí Pháp



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

Tâm kinh vô tự là then chốt của ĐẠI ĐẠO kỳ ba cũng là nòng cốt để thực hiện cơ Qui Nhất Đạo Đời xây dựng xã hội THÁNH ĐỨC thế giới ĐẠI ĐỒNG.

THIÊN NHÃN là biểu tượng của Thượng Đế là Thái Cực vận hành sinh hóa, là Hiệp Thiên pháp hiệp nhất Thiên Nhân, là Vạn Pháp Qui Tâm nên bao hàm, cô đọng tất cả ý nghĩa sâu xa vô tận đó. Chơn Pháp tô điểm non sông Đạo lữ Đời Thượng Đế đã để trước mắt mà nhân loại cứ mãi tìm kiếm ở đâu xa!

Bí Pháp của nền Đại Đạo được phô bày qua biểu tượng Thiên Nhãn. Đó là Tâm Pháp hay Hiệp Thiên Pháp hoặc Chơn Pháp Qui Tâm, là con đường Bí Pháp Đạo Tâm chính yếu để thực hiện Tôn Chỉ Mục Đích Qui Nguyên Phục Nhất.

*Ý pháp bày ra khắp cõi trần
Nghĩa Nhân nền tảng vẹn TÂM chơn
Đại Đồng Thế giới tình liên kết
Đạo Đức Nhà Nam gọi thế nhân
Tam nhiệm HIỆP THIÊN bày chánh lý
Kỳ ba ĐẠI ĐẠO bủa thiên ân
Phổ truyền vạn chủng kinh vô tự
Độ chuyển quần sanh THÁNH ĐỨC lâm.*
Ngọc Nương

Hiền Tài Nguyễn Ngọc Nương
(Trung Tâm Nghiên Cứu & Phát Huy Đại Đạo)



NGHỊ LUẬN ĐẠO - CÙNG NHAU HỌC ĐẠO



(III.2)

Religious Freedom

(Tự Do Tín Ngưỡng)

English and Vietnamese



Religious Freedom

(English)

World Alliance of Religion Office Meeting – May 22 2021

1. What is your religion's perspective on the topic of religious freedom?

We all understand the important roles of religion and its influences in life. Religion is a major force that shaped who we are today. It gives us lessons learned from the past and inspires us to focus on what needs to be done for now and the future. Each of us was born into a religion or a belief system or a school of thoughts that gave us spiritual support that we all rely on - in God we trust, in Buddha we learn, in Jesus we love, in Tao we act righteously, in Confucius we behave humanly. Each religious tradition is a school of spiritual teachings that teach Man to see different angles of the gigantic Truth.

When we were born, each of us was destined to be in one of those schools. As an adult, each of us may choose which school to go to. Whatever school that fits you, that school is good for you. Harvard university is one of the greatest education institutions on earth, but it is not for everyone. You and me may be greatly defeated, broken, unhappy at Harvard university. While elementary school is a small step, but it is an important step that all educated persons must pass thru. Freedom of religion is like a freedom to choose a school, or to stay in the school that you were born into. It is a basic human right. In any shape or form, a righteous person should never force any person into a religious tradition that may cause them grief. You may inspire people to follow the teachings of your faith, but should never use deceptions or brute force to get others to join.

Cao Đài declares:

CAO THƯỢNG CHÍ TÔN ĐẠI ĐẠO HOÀ BÌNH DÂN CHỦ MỤC
ĐÀI TIỀN SÙNG BAI TAM KỶ CỘNG HƯỞNG TỰ DO QUYỀN

THE GREAT WAY OF THE SUPREME BEING - PEACE AND HARMONY- DEMOCRACY
THE THIRD AMNESTY ERA - FREEDOM AND LIBERTY - HUMANITY

Freedom and Liberty includes freedom of religion!

2. What does your religious scripture say regarding religious tolerance?

Each adherent of the Cao Đài religion is not only required to study the teachings of ĐẠI ĐẠO – The Great Way, but also encouraged to learn other schools of religious traditions: The Way of humanity (ex. Confucianism), The Way of Hero (ex. Jainism/Indigenous), The Way of Saint (ex. Judaism, Christianity, Islam), The Way of Tao (ex. Taoism / Laoism), The Way of Buddha (ex. Hinduism, Buddhism, Sikhism). Cao Đài declares that those religious traditions are manifestations from God's teachings. God does not give everybody the same things regardless of their unique needs. He gives us the teachings, the resources, and the challenges specific to our unique needs so we can learn and progress at our pace and have the opportunity to perform at our best. A Codaist is taught not only to respect other religious traditions but also educated that each religious tradition



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THẾ ĐẠO- SỐ 015

is a manifestation from God's blessing, teaching, and commitment for our progression. That is an ultimate Cao Đài theory of religious tolerance.

3. What is the answer to resolve religious discrimination according to your scripture?
To resolve religious discrimination, we need to understand the origin of those religious traditions, and the origin of their original founders, example such as Laozu, Confucius, Kuan Yin, Siddhartha Gautam, Guan Cong, Jesus, etc. Cao Đài declares that God was born by Khí Hư Vô (Khí Hư Vô may be translated as spiritual energy power). If there is no Khí Hư Vô there is no God, if there is no God there is no life nor the physical or spiritual universe. The iconic historical religious founders mentioned above are the manifestations of the ĐẠO. ĐẠO is The Way of Life and is The Teaching from God. Its purpose is to teach human specific things that fit to human's unique needs in different era of different civilizations. When we understand that their origins are from 1 source, the one and only one God, we will be free from the invisible wall that confines us from the rest of the world – the Wall of Religious Discrimination.

Ngọc Túy



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

Tự Do Tín Ngưỡng (Vietnamese)

Buổi Hội Thảo Liên Tôn Bắc Mỹ, tổ chức bởi HWPL Ngày 22 Tháng 5 Năm 2021

1. Theo Tôn Giáo của Anh, Tự Do Tín Ngưỡng có khái niệm như thế nào?

Như tất cả chúng ta đều biết vai trò quan trọng của Tôn Giáo và sự ảnh hưởng của nó trong cuộc sống hàng ngày. Tôn giáo là một chính yếu đã tạo nên cách sống của con người ngày nay. Nó cho chúng ta rất nhiều kinh nghiệm sống từ lịch sử và dạy chúng ta tập trung vào những gì cần phải làm cho hiện tại và cho tương lai. Mỗi người chúng ta đều sanh ra trong một tôn giáo hay một hệ thống tính ngưỡng nào đó hay một trường phái suy nghĩ mà chúng ta dựa vào đó giống như một kim chỉ nam - chúng ta hướng đức tin vào Đấng Thượng Đế, được khai sáng bởi Đức Phật, học cách Thương Yêu từ Đức Chúa Jesus, học cách quân tử từ Lão Tử, học cách làm người từ Khổng Tử. Mỗi Tôn Giáo chỉ chúng ta một triết học làm người chỉ chúng ta học Đạo từ những góc cạnh khác nhau của Chân Lý.

Mỗi người chúng ta khi chào đời, thì số phận đã được định sẵn vào một trong những trường học Tôn Giáo, và khi trưởng thành chúng ta có thể chọn trường học nào thích hợp với mình để học. Bất cứ trường học nào thích hợp với mình thì trường đó tốt cho mình. Trường Đại Học Harvard là một trong những trường Đại Học nổi tiếng nhất thế giới, nhưng nó không thể thích nghi cho tất cả mọi người, Anh và Tôi có thể bị thất bại nặng nề, bị gây đổ, và không bao giờ tìm được hạnh phúc tại Đại Học Harvard. Trong khi Trường Tiểu Học là Trường Cấp 1, nhưng nó vô cùng quan trọng vì tất cả những ai ai đều phải đi qua trường tiểu học mới lên được trường cao học.. Tự do Tôn Giáo, thì giống như là Tự Do chọn trường học, hoặc Tự Do ở lại Trường mà mỗi người chúng ta đã được định sẵn. Nó là nhân quyền căn bản. Dù bất cứ hình thức nào, một người đứng đắn sẽ không bao giờ ép buộc bất cứ người nào khác nhập môn vào bất cứ Tôn Giáo nào mà làm cho họ đau khổ hay họ không muốn. Anh có thể thuyết phục bất cứ ai để học và nhập môn vào Tôn Giáo của anh nhưng đừng bao giờ ép buộc hoặc dùng thủ đoạn đưa người ta vào Tôn Giáo của mình.

Cao Đài Tuyên Ngôn:

CAO THƯỢNG CHÍ TÔN ĐẠI ĐẠO HOÀ BÌNH DÂN CHỦ MỤC
ĐÀI TIỀN SÙNG BÁI TAM KỲ CỘNG HƯỞNG TỰ DO QUYỀN

Tự Do Quyền bao gồm Tự Do Tôn Giáo!

2. Thánh Ngôn/Thánh Giáo của Anh có dạy gì về sự khoan dung và chấp nhận Tôn Giáo.

Mỗi một người tín đồ Cao Đài chẳng những phải học hỏi về Đạo Cao Đài, về Đại Đạo, mà còn được khuyến khích học hỏi các triết học Tôn Giáo khác: Nhân Đạo (Đạo làm người - Khổng Giáo), Thần Đạo (Kỳ Na Giáo, các Tôn Giáo Bản Địa), Thánh Đạo (Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo), Tiên Đạo (Lão Giáo), Phật Giáo (các Đạo Phật). Cao Đài tuyên bố rằng, tất cả các Đạo Học đều do 1 gốc mà ra "**Vạn giáo nhất lý**", đều do Đấng Tối Cao truyền dạy tùy theo các thời kỳ nhân bản. Đấng Tối Cao sẽ không truyền cho chúng ta 1 cách học giống nhau mà áp

dụng cho tất cả mọi người, nhưng cho chúng ta những bài học, hay trường học tùy theo trình độ căn bản của từng người thì như thế mỗi người con của Ngài sẽ được học hỏi và phát triển theo nhịp độ tiến bộ của nó để nó được phát triển một cách hiệu quả nhất. Tín Đồ Cao Đài không những được dạy là phải tôn trọng các Đạo Học khác mà còn cho biết là những Đạo Học khác là cũng do Đấng Chí Tôn truyền xuống, mục đích là cho sự tiến hóa của từng mỗi người. Đó là điểm chính của triết học Cao Đài về sự khoan dung và chấp nhận các Tôn Giáo.

3. Theo Thánh Ngôn trong Tôn Giáo của bạn thì làm sao chúng ta có thể đưa ra giải pháp v/đ kỳ thị tôn giáo

Để đưa ra giải pháp v/đ kỳ thị Tôn Giáo, con người cần phải hiểu nguồn gốc của các Đạo Học và những vị đã lập ra nó, tỷ như, Lão Tử, Khổng Tử, Đức Quan Âm, Đức Phật Thích Ca, Đức Quan Công, Đức Chúa Jesu, vv... Cao Đài tuyên ngôn rằng, Thượng Đế được sinh ra bởi Khí Hư Vô (Khí Hư Vô có thể hiểu là Khí Tiên Thiên - mà con người chúng ta cũng chưa có thể hình dung và hiểu rõ Khí Tiên Thiên là gì). Nếu không có Khí Hư Vô thì không có Thượng Đế, nếu không có Thượng Đế thì không có sự sống, nếu không có sự sống thì sẽ không có càn khôn vũ trụ, dù là vô hình hay hữu hình. Những vị Giáo Chủ kể trên là những **Hình Tượng** của Đạo. Đạo là phương cách sống là những truyền dạy từ Thượng Đế. Mục đích của Đạo là dạy con người những răn điều cụ thể phù hợp với những nhu cầu riêng của từng con người sống trong những thời đại khác nhau trong những nền văn minh khác nhau. Khi mà chúng ta đã hiểu được nguồn gốc của Đạo có từ một gốc **có một không hai** là Đấng Thượng Đế, thì chúng ta sẽ vượt qua khỏi những bức tường chắn, mà chính những bức tường đó nhốt chúng ta lại trong chính ngục tù của chúng ta - đó là ngục tù của sự phân biệt Đạo Học, phân biệt Tôn Giáo.

Ngọc Túy



TẬP SAN - BẢN TIN BAN THỂ ĐẠO- SỐ 015

IV. Phân Ưu

Phân Ưu Cụ Bà Lưu Văn Quế, khuê danh Ngô Ngọc Anh Pháp danh Diệu Oanh



ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Cứu Thập Lục Niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH



CAO ĐÀI HẢI NGOẠI
8415 S. Breeze Dr. Houston TX 77071

PHÂN ƯU

Toàn thể tín đồ Cao Đài Hải Ngoại rất đau buồn khi nhận được tin

Cụ Bà Lưu Văn Quế, khuê danh Ngô Ngọc Anh
Pháp danh Diệu Oanh

đã quy vị vào lúc 21 giờ, Ngày 17/06/2021 tại Tư Gia Garden Grove, Orange County, California.

Hưởng Đại Thọ 99 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Tang Gia Hiếu Quyển.

Xin cầu nguyện Đức CHÍ TÔN, Đức PHẬT MẪU và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho **Cụ Bà Lưu Văn Quế**, sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cao Đài Hải Ngoại

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Thánh Thất Cao Đài Kitchener Canada
Thánh Thất Cao Đài Paris Pháp Quốc
Thánh Thất Cao Đài Houston Texas
Thánh Thất Cao Đài New Orleans
Thánh Thất Cao Đài Boston



Ban Thể Đạo - Cao Đài Hải Ngoại
Văn Phòng Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại tại Châu Âu
Hương Đạo Berlin Đức Quốc
Toàn Thể Tín Đồ Tổ Chức CDHN



V. LIÊN LẠC (CONTACT INFO)

Quý vị thân hữu và đồng đạo có thể gửi bài viết, hay đăng tin đến Tập San Ban Thể Đạo - Hệ Thống HTĐ

1. HT Trịnh Ngọc Túy (Email: caodai.international@gmail.com OR tuy_nguyen66@yahoo.com- Phone: 713-302-1625)
2. HT Đào Duy Linh (Email: duy-linh.dao@caodai.international)
3. Website: <https://www.caodai.international/>
4. Facebook: <https://www.facebook.com/caodai.haingoai.98>
5. Email: caodai.international@gmail.com